TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG SÂU KEO MÙA THU HẠI NGÔ

Ngày 15/7/2019, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Chỉ thị số 4962/CT - BNN - BVTV về việc tăng cường công tác phòng, chống sâu keo mùa thu hại ngô. Nội dung cụ thể như sau:

Sâu keo mùa thu *(Spodoptera frugiperda)* là loại sâu hại mới, xâm nhập vào nước ta từ tháng 4 năm 2019. Đây là loài sâu hại có khả năng di trú rất xa, vòng đời ngắn, có nhiều lứa và thời gian các lứa sâu đan xen nhau nên khó khăn cho công tác phòng, chống. Theo báo cáo của các địa phương, sâu keo mùa thu đã xuất hiện và gây hại hầu hết các vùng trồng ngô trong cả nước với tổng diện tích nhiễm khoảng 15.000 ha, gây hại nặng một số tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Dự báo trong thời gian tới, sâu keo mùa thu sẽ tiếp tục phát sinh gây hại cây ngô trên diện rộng, nguy cơ giảm năng suất và sản lượng nếu không được phòng, chống kịp thời.

Để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho sản xuất ngô do sâu keo mùa thu gây ra, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị:

1. Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp, các ban ngành và cơ quan chuyên môn của địa phương thực hiện nghiêm túc một số nội dung sau:

- Thực hiện tốt công tác điều tra phát hiện, thống kê mức độ, diện tích nhiễm sâu keo mùa thu trên ngô và các cây trồng khác; hướng dẫn nông dân chủ động tổ chức thực hiện công tác phòng chống theo quy trình kỹ thuật đã được Cục Bảo vệ thực vật ban hành.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền về đặc điểm sinh học, quy luật phát sinh gây hại cũng như các biện pháp kỹ thuật phòng chống sâu keo mùa thu cho cán bộ ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật, khuyến nông và nông dân. Khuyến cáo nông dân áp dụng triệt để các biện pháp sinh học, sử dụng bẫy bả để thu bắt và tiêu diệt trưởng thành; sử dụng các biện pháp thủ công (thu gom và tiêu diệt ổ trứng, sâu non) và các biện pháp canh tác, vệ sinh đồng ruộng để giảm mật độ sâu keo mùa thu trên đồng ruộng. Chỉ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong trường hợp mật độ sâu cao, sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật đã được Cục Bảo vệ thực vật hướng dẫn, tuân thủ nguyên tắc "4 đúng" khi sử dụng.

- Tổ chức điều tra, đánh giá nhằm xác định các giống ngô có khả năng kháng, chống chịu với sâu keo mùa thu để thông tin, hướng dẫn nông dân sử dụng thay thế các giống ngô đã bị sâu keo mùa thu gây hại nặng.

- Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, nhất là các hành vi lợi dụng dịch bệnh để kinh doanh thuốc giả, thuốc không đảm bảo chất lượng và tăng giá thuốc.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT

a. Cục Bảo vệ thực vật

- Tiếp tục chỉ đạo các Trung tâm Bảo vệ thực vật vùng phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, cơ quan bảo vệ thực vật địa phương tăng cường cán bộ bám sát đồng ruộng, hướng dẫn và chỉ đạo nông dân các biện pháp phòng, chống kịp thời sâu keo mùa thu.

- Phối hợp với các đơn vị nghiên cứu thực hiện đánh giá hiệu quả các biện kỹ thuật đã và đang thực hiện, tiếp tục khảo sát, thử nghiệm để lựa chọn các biện pháp kỹ thuật phòng, chống phù hợp và hiệu quả để hướng dẫn các địa phương và nông dân áp dụng.

- Chủ động trao đổi với Tổ chức Lương thực và Nông lương thế giới (FAO), các tổ chức quốc tế và các quốc gia để tiếp nhận hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm về phòng, chống sâu keo mùa thu.

- Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các cơ quan thông tin đại chúng của Trung ương tổ chức thông tin, tuyên truyền thường xuyên về tình hình phát sinh gây hại và công tác chỉ đạo phòng chống loài sâu hại này.

- Làm đầu mối tham mưu, chỉ đạo, tổng hợp báo cáo Bộ về tình hình sâu keo mùa thu, công tác phòng chống và các hoạt động liên quan.

Khuyến cáo người dân áp dụng các biện pháp sinh học, sử dụng bẫy bả để bắt và tiêu diệt sâu keo mùa thu ☞

b. Cục Trồng trọt

- Phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương biện pháp canh tác, bố trí mùa vụ để hạn chế tác hại của sâu keo mùa thu.

- Đặt hàng nghiên cứu, tuyển chọn bộ giống ngô kháng, chống chịu sâu keo mùa thu để đưa vào áp dụng trong sản xuất.

c. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

- Chủ trì, phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật tổ chức, thông tin, tuyên truyền; soạn thảo, in ấn và phát hành tài liệu, tổ chức các diễn đàn khuyến nông @ nông nghiệp với chủ đề phòng, chống sâu keo mùa thu.

- Đề xuất xây dựng các mô hình khuyến nông về quản lý dịch hại tổng hợp sâu keo mùa thu hại ngô ở địa phương.

- Tổ chức tập huấn về sâu keo mùa thu cho cán bộ trong hệ thống khuyến nông ở địa phương.

d. Các đơn vị nghiên cứu

- Chủ động đề xuất và tổ chức nghiên cứu về sâu keo mùa thu và biện pháp phòng chống đảm bảo hiệu quả phòng trừ, hiệu quả kinh tế, an toàn cho môi trường; nghiên cứu nhân nuôi ký sinh, thiên địch phòng chống sâu keo mùa thu; nghiên cứu tuyển chọn giống ngô kháng, chống chịu sâu keo mùa thu để áp dụng vào sản xuất.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ chỉ đạo thực hiện các nội dung trên và thường xuyên báo cáo kết quả, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về Bộ (qua Cục Bảo vệ thực vật) để kịp thời xử lý■

BBT *(gt)*

DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP CHUYÊN ĐỀ:

"PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NẤM ĂN THEO HƯỚNG CÔNG NGHỆ CAO"

Để tạo điều kiện cho các hộ nông dân, các doanh nghiệp tiếp cận với các thông tin mới về khoa học công nghệ, cơ chế chính sách, về nhu cầu thị trường, nhằm tìm ra các biện pháp tháo gỡ những khó khăn, nút thắt trong việc phát triển sản xuất nấm ăn theo hướng công nghệ cao, ngày 5/7/2019, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh An Giang tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp với chủ đề "Phát triển sản xuất nấm ăn theo hướng công nghệ cao". Diễn đàn thu hút 202 đại biểu tham dự đến từ 05 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long: An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Hậu Giang và Sóc Trăng.

Việt Nam là một nước có nhiều tiềm năng về sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu. Theo thống kê của Tổ chức Lương thực và Nông lương Thế giới (FAO, 2019) thì sản xuất nấm ở nước ta đang xếp hàng thứ 9 trong khu vực, bằng 0,3% sản lượng nấm của Trung Quốc và chiếm 0,23% tổng sản lượng nấm của thế giới. Theo kết quả điều tra sản xuất nấm của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nấm (2018), sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu của Việt Nam trong thời gian qua có xu hướng tăng nhanh. Tổng sản lượng nấm của cả nước đạt khoảng 135.000 tấn trong năm 2016, tốc độ tăng trưởng sản lượng nấm qua các năm bình quân đạt 11,88%/năm. Tuy nhiên, sản xuất nấm còn tồn tại những hạn chế như: sản xuất nhỏ lẻ, tự phát, tiêu thụ tự túc dễ gặp rủi ro, thiếu ổn định; liên kết chuỗi giá trị còn ít và không lâu dài; kỹ thuật sản xuất của nông dân không đồng đều, thiếu cập nhật tiến bộ kỹ thuật mới.

Theo báo cáo của Cục Trồng trọt, Đồng Nai là tỉnh sản xuất nấm điển hình và tiêu biểu nhất tại vùng Nam Bộ. Toàn tỉnh hiện có khoảng 2.000 hộ tham gia sản xuất và chế biến nấm. Còn tại An Giang, từ năm 2014 đến nay, diện tích trồng nấm ăn (chủ yếu là nấm rơm) trên địa bàn tỉnh không ngừng tăng lên, từ 300 ha đến nay duy trì khoảng 400 ha; sản lượng cũng tăng dần từ 3.000 tấn vào năm 2014 lên trên 4.200 tấn vào năm 2018. Ngoài ra, nhiều tỉnh, thành khác như thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Kiên Giang... cũng tham gia sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu, tập trung chủ yếu là sản xuất nấm rơm và nấm bào ngư. Hình thức tổ chức sản xuất nấm rất đa dạng như: hộ gia đình, trang trại, gia trại, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp sản xuất nấm. Trong đó, phổ biến nhất là hình thức sản xuất quy mô nông hộ. Các hộ dân tự sản xuất, tiêu thụ sản phẩm qua kênh bán buôn, bán lẻ hoặc chế biến thành các sản phẩm (muối, sấy khô).

Tại diễn đàn, các đại biểu đã nghe báo cáo tham luận của các cơ quan, đơn vị. Ban chủ tọa, Ban cố vấn diễn đàn đã giải đáp 30 câu hỏi của bà con nông dân liên quan đến kỹ thuật trồng nấm rơm trong nhà, kỹ thuật trồng nấm bào ngư, thị trường tiêu thụ, các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với hộ sản xuất nấm ăn ...

Ban chủ tọa, ban cố vấn của diễn đàn

Kết luận tại diễn đàn, TS. Trần Văn Khởi - Q. Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp các giải pháp phát triển sản xuất nấm ăn theo hướng công nghệ cao, như sau:

- Về quy hoạch: Ngành nông nghiệp địa phương cần có quy hoạch của từng vùng về chủng loại nấm, mùa vụ sản xuất và gắn sản xuất với thị trường.

- Tổ chức sản xuất theo hình thức cộng đồng nông dân hiệu quả như hợp tác xã kiểu mới, tổ hợp tác, câu lạc bộ cùng sở thích làm cơ sở để tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, chính sách hỗ trợ, liên kết sản xuất.

- Tiếp tục chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến nông dân về giống mới, quy trình sản xuất mới, chế biến.

- Xây dựng và thực thi các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất về xây dựng thương hiệu sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, xúc tiến thương mại sản phẩm phục vụ tiêu dùng và hướng đến xuất khẩu.

- Đề nghị Trung tâm Khuyến nông các tỉnh tăng cường hơn nữa tư vấn cho nông dân về kỹ thuật sản xuất nấm, những tiến bộ kỹ thuật mới, chính sách hỗ trợ, thủ tục hình thành và vận hành các tổ chức của nông dân....

Trong khuôn khổ diễn đàn, các đại biểu đã tham quan cơ sở sản xuất và bán phôi nấm, sản xuất nấm bào ngư xám, mô hình trồng nấm rơm trong nhà ở ấp Trung Binh Nhì, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang■

NGUYỄN NHUNG - ĐỖ TUẤN
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

BÌNH THUẬN:
LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM CÁ THÁT LÁT CƯỜM

Gia An là xã nông thôn mới miền núi nằm ở phía Tây của huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, được thiên nhiên ưu đãi để phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt. Nhận thấy tiềm năng của địa phương này, Trung tâm Khuyến nông Bình Thuận đã phối hợp với xã Gia An thử nghiệm mô hình nuôi cá thát lát cườm an toàn sinh học kết hợp với chế biến sản phẩm theo chuỗi liên kết.

Mô hình phát triển vùng chuyên canh theo hướng an toàn sinh học tạo ra sản phẩm sạch; Bước đầu liên kết giữa người nuôi và người tiêu thụ, từ đó mở rộng vùng nuôi chuyên canh để cung cấp nguyên liệu cho chế biến, từng bước góp phần xây dựng thương hiệu chả cá thát lát hồ Biển Lạc - Tánh Linh.

Mô hình nuôi lồng bè với quy mô 150 m^3 và nuôi trong ao đất trên diện tích mặt ao 1.000 m^2. Ở hình thức nuôi nào cũng đòi hỏi mực nước sâu trên 2 m, môi trường nước sạch, trong lành, pH 6,5 - 7,5. Lồng bè nuôi được đặt ở địa điểm ít có thuyền bè qua lại, lưu tốc dòng nước không quá 0,3 - 0,5 m/s, thể tích khung lồng bè là 3 m x 5 m x 2 m, bao lưới có kích thước mắt lưới 2a (18 mm). Chất đáy nơi đặt lồng bè là đất cát pha bùn, có hàm lượng Ôxy hoà tan trên 3 mg/l. Con giống tại thời điểm thả đạt kích cỡ 12 - 15 cm, cá có kích cỡ đồng đều, khoẻ mạnh, không sây sát, không mất nhớt, không dị tật, bơi lội nhanh. Mật độ thả nuôi lồng bè là 75 con/m^3, thả nuôi ao là 8 con/m^2. Tổng lượng con giống của mô hình 20.000 con.

Thời điểm thả giống tốt nhất trong ngày là buổi sáng lúc 9h. Thả giống xong, không cho cá ăn ngay mà một ngày sau mới cho ăn. Các hộ nuôi sử dụng thức ăn viên có độ đạm 43% dành cho cá giống. Trong quá trình cho ăn, bổ sung thêm Vitamin C, men tiêu hóa giúp cá tăng sức đề kháng, không bị bệnh đường ruột. Khẩu phần ăn chiếm 7 - 10% trọng lượng thân ở tháng thứ nhất. Từ tháng thứ 2 trở đi, sử dụng thức ăn công nghiệp có độ đạm 40%, bổ sung Vitamin C và men tiêu hóa, khẩu phần ăn chiếm 5 - 7% trọng lượng thân. Ở tháng thứ 4, khẩu phần ăn còn 3 - 5% trọng lượng thân và tháng thứ 5 chỉ còn 2 - 3% trọng lượng thân. Định kỳ hàng tháng trộn tỏi xay nhuyễn vào thức ăn cho cá và cho ăn liên tục trong 3 ngày để tăng cường sức đề kháng, giúp cá phát triển tốt hơn. Cá thát lát cườm có tập tính bắt mồi ban đêm nên trong quá trình cho ăn, phải chia khẩu phần ăn buổi chiều chiếm 2/3 khẩu phần ăn trong ngày. Cần quan sát hoạt động bắt mồi của cá và theo dõi lượng thức ăn tiêu thụ để điều chỉnh cho phù hợp, vừa giúp tiết kiệm chi phí lại không gây ô nhiễm môi trường nước.

Các hộ tham gia mô hình cũng được hướng dẫn các biện pháp chăm sóc, quản lý lồng bè, ao nuôi theo quy trình kỹ thuật như: Dùng vôi sinh học khử trùng và giúp ổn định môi trường nước. Treo túi vôi (2 - 4 kg) ở vị trí đầu nguồn nước và ở trong 4 góc lồng, bè (hoặc ao); khi vôi tan hết, tiếp tục treo túi khác. Định kỳ 7 - 10 ngày hoà tan 2 - 3 kg vôi, tạt trong lồng, mặt ao hoặc treo các bó lá xoan ở nơi cần thiết để phòng bệnh cho cá, làm sạch môi trường nước xung quanh.

Sau 8 tháng nuôi, cá đạt trọng lượng 500 gam/con, tỷ lệ sống đạt 70%. Ước tính sản lượng tại thời điểm nghiệm thu mô hình là 6.740 kg, năng suất trong lồng bè đạt 26,45 kg/m^2 và trong ao nuôi đạt 2,82 kg/m^2. Như vậy nếu tính giá cá bán buôn 90.000 đồng/kg, doanh thu mô hình đạt 606 triệu đồng, sau khi trừ chi phí (con giống, thức ăn, lồng bè …), lợi nhuận thu được từ mô hình là 206 triệu đồng.

Để nâng cao giá trị sản phẩm, các hộ nông dân đã hợp tác cùng nhau mở xưởng chế biến chả cá thát lát tại nhà, nói không với chất phụ gia, đảm bảo sản phẩm đạt vệ sinh an toàn thực phẩm. Cách làm sáng tạo này đã tạo thêm việc làm cho bà con; đồng thời, phần phế phẩm chế biến được dùng làm thức ăn cho cá. Các hộ dân cũng mong muốn, thời gian tới, cơ quan chức năng sẽ có quy hoạch vùng nuôi ổn định, quản lý tốt quy trình nuôi và những quy chuẩn chế biến không chất phụ gia để thương hiệu chả cá thát lát hồ Biển Lạc sẽ vươn xa hơn, giúp bà con nông dân nơi đây nâng cao thu nhập■

KHÁNH VƯƠNG
Trung tâm Khuyến nông Bình Thuận

QUẢNG NGÃI: HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH NUÔI VỊT BIỂN 15

Các đại biểu tham quan mô hình nuôi vịt biển tại gia đình anh Trương Văn Thơm

"Vịt biển 15 dễ nuôi lắm" là lời chia sẻ của anh Trương Văn Thơm ở thôn Thượng Hòa, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Gia đình anh Thơm được hỗ trợ 360 con giống vịt biển 15. Do tận dụng được nguồn thức ăn thủy, hải sản tại địa phương nên đã giảm được một lượng lớn thức ăn cho vịt, tiết kiệm được chi phí.

Anh Thơm cho biết thêm: "Đây là lần đầu tiên chăn nuôi giống vịt biển nên gia đình rất băn khoăn về khả năng thích nghi và chất lượng thịt của giống vịt này. Sau 50 ngày nuôi, vịt đã đạt trọng lượng từ 2,6 - 2,8 kg/con. Thương lái tìm đến tận nhà để thu mua 150 con vịt với giá 100.000 đồng/con".

Đây là năm thứ 3, Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quảng Ngãi triển khai mô hình nuôi vịt biển 15 cho 18 hộ dân của 3 xã ven biển trên địa bàn huyện Bình Sơn là: Bình Châu, Bình Đông và Bình Dương với tổng số 6.500 con giống. Chỉ sau vài tháng triển khai, mô hình nuôi vịt biển 15 đã thích nghi tốt với điều kiện chăn nuôi, sinh trưởng, phát triển tốt, được người dân tham gia mô hình đánh giá cao.

Anh Phạm Tuấn Sinh ở thôn Châu Me, xã Bình Châu cho biết: "Theo quy trình nuôi vịt biển 15 đã được hướng dẫn trước khi nhận vịt giống, thì phải nuôi tầm 3 tháng mới có thể bán được, nhưng khi nuôi đến tháng thứ 2, vịt đã phát triển khá nhanh, có con trên 3 kg nên gia đình đã xuất bán. Trong quá trình nuôi, cán bộ khuyến nông - thú y của xã đã tiêm phòng bệnh cho vịt và thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật phòng bệnh nên vịt rất khỏe mạnh. Đây là con vật dễ nuôi, thích nghi tốt với vùng ven biển và mang lại hiệu quả kinh tế".

Trong những năm gần đây, người dân sinh sống tại các vùng ven biển gặp nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp do biến đổi khí hậu. Giống vịt biển 15 có khả năng thích ứng tốt với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, dễ nuôi đã góp phần tạo công ăn việc làm, cải thiện đời sống và nâng cao thu nhập cho người dân ven biển. Ngoài việc thích nghi với vùng nước mặn thì khả năng sinh trưởng, phát triển của giống vịt này cũng phù hợp với điều kiện thời tiết, khí hậu của tỉnh Quảng Ngãi. Hơn nữa, giống vịt biển 15 có chất lượng thịt thơm ngon nên được người tiêu dùng ưa chuộng. Sau gần hai tháng nuôi, người dân đã bán với giá 90.000 - 100.000 đồng/con. Bình quân mỗi hộ tham gia mô hình nuôi 360 con vịt biển 15, thì sau mỗi đợt nuôi, sẽ thu khoảng 35 triệu đồng, trừ chi phí còn lãi khoảng 7,5 triệu đồng.

Ông Lê Đăng Khoa - Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Bình Sơn cho biết, sau khi nhận giống vịt biển 15, các hộ nuôi đều áp dụng đúng quy trình kỹ thuật đã được tập huấn. Tại huyện Bình Sơn, việc phát triển đàn vịt biển 15 sẽ là lợi thế lớn bởi hiện trên địa bàn đang có một diện tích ao, hồ nuôi tôm không hiệu quả bỏ không, nhất là các vùng bị nhiễm mặn do biến đổi khí hậu.

Ông Nguyễn Văn Tuấn - Phó Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Vịt Đại Xuyên cho biết, sau 3 năm triển khai cho thấy, vịt biển 15 sinh trưởng, phát triển tốt; thích nghi với điều kiện nắng nóng và xâm nhập mặn tại các địa phương ven biển tỉnh Quảng Ngãi. Để nhân rộng mô hình này, người chăn nuôi phải nắm chắc quy trình kỹ thuật, chọn mua con giống đảm bảo chất lượng, thực hiện tốt công tác phòng và trị bệnh. Đặc biệt người chăn nuôi cần phải tìm hiểu thị trường tiêu thụ, đánh giá thị hiếu người tiêu dùng để có kế hoạch phát triển chăn nuôi phù hợp, không nên nuôi ồ ạt. Nên thành lập tổ hợp tác để xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm một cách hợp lý.

Có thể nói, vịt biển 15 được xem là bước đột phá trong nghiên cứu lai tạo và chọn lọc của ngành chăn nuôi thủy cầm bởi khả năng thích ứng với điều kiện chăn nuôi ở cả nước ngọt, nước lợ và nước mặn. Đây không chỉ là con vật nuôi phù hợp với người chăn nuôi tỉnh Quảng Ngãi, góp phần bổ sung giống mới vào bộ giống chăn nuôi của tỉnh và tăng cơ hội lựa chọn của người chăn nuôi mà còn là cơ hội phát triển kinh tế cho bà con các vùng ven biển ở nhiều địa phương trong điều kiện ứng phó với biến đổi khí hậu hiện nay■

MẠNH HÙNG
Trung tâm Khuyến nông Quảng Ngãi

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: TĂNG LỢI NHUẬN CHO NGƯỜI SẢN XUẤT NHỜ TRỒNG RAU THEO QUY TRÌNH VIETGAP

Nhằm góp phần phát triển sản xuất rau an toàn trên địa bàn thành phố qua đó nâng cao năng suất, chất lượng, xây dựng chuỗi thực phẩm an toàn, tạo mối liên kết hợp tác chặt chẽ giữa các thành phần tham gia chuỗi, từ đó nâng cao nhận thức, hành vi của người sản xuất, chế biến và tiêu dùng; nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nông dân; Từ tháng 12/2018 đến nay, Trung tâm Khuyến nông Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển giao 02 mô hình trồng các loại rau mướp đắng, dưa chuột và bí xanh theo quy trình VietGAP với quy mô 10 ha với sự tham gia của 19 hộ tại 2 xã Phước Thạnh và Trung Lượng Thượng, huyện Củ Chi.

Các hộ tham gia mô hình được hỗ trợ 100% giống mới F1 đạt chất lượng và được cán bộ khuyến nông chuyển giao kỹ thuật. Mô hình áp dụng kỹ thuật xử lý hạt giống trước khi trồng bằng phương pháp 2 sôi, 3 lạnh trong vòng 2 - 4 giờ, ủ trong 24 giờ để diệt mầm bệnh trong hạt giống và tăng tỷ lệ nảy mầm. Mật độ trồng đối với mướp đắng là 1.400 - 1.500 cây/1.000m^2, dưa chuột là 1.800 - 1.900 cây/1.000m^2, bí xanh là 1.200 cây/1.000m^2. Bón lót kết hợp vun luống phủ bạt; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc "4 đúng", đảm bảo thời gian cách ly và chủ yếu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học để trừ bệnh cho rau. Tính toán hiệu quả kinh tế mô hình mang lại, với giá thành sản xuất 4.000 đồng/kg, giá bán cho thương lái từ đầu vụ đến hết vụ dao động từ 10.000 - 13.000 đồng/kg, giá bán qua hợp tác xã 7.000 đồng/kg; sau khi trừ chi phí, mô hình đạt lợi nhuận trên 18 triệu đồng/1.000m^2/vụ đối với mướp đắng, đạt gần 20 triệu đồng đối với dưa chuột và bí đao là 21 triệu đồng.

Trong 19 hộ đăng ký tham gia mô hình, có 8 hộ đã đạt giấy chứng nhận VietGAP, những hộ còn lại đang tiếp tục làm hồ sơ.

Các đại biểu tham quan mô hình trồng rau theo quy trình VietGAP tại hộ ông Nguyễn Văn Lơ, ấp Bàu Điều Thượng, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi

Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế trong quá trình thực hiện mô hình như: nguồn phân bò trên địa bàn rất lớn nhưng chỉ có vài hộ áp dụng biện pháp ủ phân; phần lớn các hộ bón phân vô cơ thiếu định mức quy định. Ngoài ra, do biến đổi khí hậu, mưa nắng thất thường ở giai đoạn cây ra hoa nên có ảnh hưởng nhất định đến năng suất.

Đánh giá kết quả mô hình, ông Nguyễn Trung Tiến ở ấp Trung Hiệp Thạnh, xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi - một hộ dân tham gia mô hình cho biết: "Là thành viên mới gia nhập Tổ hợp tác rau xã Trung Lập Thượng, năm 2018, gia đình tôi may mắn được Trung tâm Khuyến nông đầu tư 100% giống, 30% vật tư phân bón cho hơn 5.000 m^2 đất trồng rau. Sau thời gian trồng và chăm sóc theo sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật, tôi đã thu lãi 18,25 triệu đồng cho 1.000 m^2/vụ. Ngoài ra, gia đình tôi còn được cán bộ khuyến nông chuyển giao kỹ thuật và tư vấn tận tình việc thực hiện sản xuất đúng quy trình để cấp giấy chứng nhận VietGAP, giúp cho sản phẩm được tổ hợp tác rau trên địa bàn thu mua với giá cả ổn định".

Ông Võ Ngọc Đẹp - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông thành phố Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Sản lượng rau an toàn sản xuất tại thành phố hiện chỉ đáp ứng khoảng 20% nhu cầu thị trường, 80% sản lượng còn lại phải nhập từ các tỉnh Lâm Đồng, Long An, Tiền Giang… Điều này cho thấy thị trường tiêu thụ rau an toàn tại thành phố còn rất lớn. Vì vậy, việc đẩy mạnh phát triển sản xuất rau an toàn là mục tiêu của thành phố nói chung và bà con nông dân trồng rau ở các huyện ngoại thành nói riêng. Bên cạnh đó, người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến an toàn vệ sinh thực phẩm. Vì vậy, đòi hỏi người sản xuất phải tạo ra các sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, an toàn về chất lượng. Bà con nên mạnh dạn tiếp thu, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất như áp dụng kỹ thuật gieo ươm cây con, cơ giới hóa trong sản xuất, ủ phân… góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng đảm bảo, tăng lợi nhuận, đặc biệt sản phẩm phải đạt chứng nhận VietGAP■

VÂN TÂM
Trung tâm Khuyến nông TP. HCM

HÀ GIANG: PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ KHUYẾN NÔNG CƠ SỞ TRONG CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KỸ THUẬT

Đội ngũ khuyến nông cơ sở là những cán bộ nông nghiệp gần gũi nhất đối với người nông dân. Họ chính là cầu nối quan trọng để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp đến với bà con. Tại tỉnh Hà Giang, những năm qua, nền nông nghiệp của tỉnh đã có những bước phát triển mang tính đột phá giúp năng suất cây trồng, vật nuôi không ngừng được nâng lên, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người dân. Những thành công này có đóng góp không nhỏ của đội ngũ khuyến nông viên cơ sở gần dân, sát dân.

Theo tiêu chí về xây dựng nông thôn mới tại các xã trung du và miền núi, thu nhập bình quân đầu người/năm phải đạt từ 1,2 lần trở lên so với mức bình quân chung của tỉnh và tỷ lệ hộ nghèo phải dưới 10%. Để đạt được mục tiêu quan trọng này, trong những năm qua, hệ thống khuyến nông cơ sở của Hà Giang đã thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ mà ngành nông nghiệp của tỉnh đề ra, đó là góp phần cùng các cơ quan chuyên môn của tỉnh đưa các giống lúa lai, ngô lai, đậu tương giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, kết hợp với việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, không ngừng nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích đất canh tác. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ khuyến nông cơ sở của Hà Giang đã tham gia công tác tuyển chọn các giống cây trồng, vật nuôi là đặc sản địa phương, có giá trị kinh tế cao như: gạo tẻ Già Dui - huyện Xín Mần, lúa nếp Khẩu Mang - huyện Đồng Văn, bò vàng, dê núi đá, gà xương đen tại 4 huyện vùng cao nguyên đá là Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh và Quản Bạ, kết hợp với áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế.

Anh Ma Doãn Vang, cán bộ khuyến nông xã Việt Lâm, huyện Vị Xuyên - người đã được UBND tỉnh Hà Giang tặng Bằng khen do "Đóng góp xuất sắc vì sự nghiệp phát triển nông nghiệp của tỉnh Hà Giang" tâm sự: Người cán bộ khuyến nông cơ sở là những người gần gũi nhất đối với bà con nông dân. Để bà con tiếp thu và áp dụng tốt các kiến thức khoa học kỹ thuật thì cán bộ khuyến nông cơ sở phải có phương pháp chuyển giao bền bỉ, thuyết phục; đồng thời cũng phải biết lắng nghe ý kiến phản hồi từ chính những người nông dân để thay đổi phương pháp chuyển giao cho phù hợp.

Trong những năm vừa qua, ngành nông nghiệp Hà Giang đã triển khai hàng trăm mô hình thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp, chủ yếu là các mô hình trình diễn về trồng trọt và chăn nuôi giống mới, có năng suất, chất lượng cao. Đối với 4 huyện vùng cao nguyên đá tập trung vào các mô hình trồng cỏ gắn với chăn nuôi bò hàng hóa, trồng rau an toàn, trồng hoa, các mô hình trồng cây dược liệu và nuôi ong. Đối với 2 huyện vùng cao phía Tây là Hoàng Su Phì và Xín Mần, tập trung vào các mô hình chăn nuôi trâu, lợn đen, trồng và chế biến chè, cây dược liệu và đậu tương. Đối với các huyện vùng thấp như Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình, Bắc Mê và thành phố Hà Giang, tập trung triển khai các mô hình phát triển chăn nuôi thuỷ sản, trồng cây ăn quả, chăn nuôi gia cầm và phát triển lúa, ngô hàng hoá… Sự thành công của các mô hình này có sự đóng góp không nhỏ của đội ngũ cán bộ khuyến nông cơ sở tại các huyện, thành phố trong tỉnh.

Theo tổng kết, đánh giá của ngành nông nghiệp tỉnh, để thực hiện thắng lợi các mục tiêu về phát triển nông nghiệp và các mục tiêu về xây dựng nông thôn mới, ngoài sự cố gắng chung của ngành nông nghiệp, của Chương trình Xây dựng nông thôn mới, còn có sự đóng góp thiết thực và hiệu quả của đội ngũ cán bộ khuyến nông cơ sở. Vì họ chính là người "cầm tay, chỉ việc", giám sát, thực hiện và chỉ đạo các khâu kỹ thuật từ thời điểm triển khai đến khi kết thúc các mô hình. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ khuyến nông cơ sở cũng là người trực tiếp triển khai và nhân rộng các mô hình giống có năng suất và chất lượng cao; là một nguồn lực quan trọng giúp người nông dân nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống. Đây chính là tiền đề quan trọng trong quá trình xây dựng thành công nông thôn mới trên địa bàn tỉnh về trước mắt cũng như lâu dài■

PHẠM VĂN PHÚ
Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Hà Giang

HẢI PHÒNG: HIỆU QUẢ BƯỚC ĐẦU TỪ MÔ HÌNH NUÔI THỦY SẢN TRONG NHÀ BẠT

Hiện nay, với việc dịch bệnh phát sinh trong nuôi trồng thủy sản ngày càng nhiều, môi trường nuôi ngày càng suy giảm thì mô hình nuôi thủy sản công nghệ cao trong nhà bạt sẽ giúp người nuôi kiểm soát được phần nào những bất lợi nhờ môi trường nuôi được cách ly hoàn toàn với các tác động xấu từ bên ngoài. Mặt khác, đây là mô hình nuôi có thể giúp người nuôi sản xuất quanh năm.

Năm 2018, Trung tâm Khuyến nông Hải Phòng đã triển khai Chương trình hỗ trợ xây dựng nhà bạt, lắp đặt quạt nước, sục khí trong nuôi trồng thủy sản. Quy mô thực hiện trên diện tích 120.000 m^2 với tổng số 24 ao nuôi, tại xã Tiên Hưng - huyện Tiên Lãng, xã Cao Minh - huyện Vĩnh Bảo và phường Tân Thành - quận Dương Kinh. Tổng kinh phí hỗ trợ mô hình là 12 tỷ đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ xây dựng nhà bạt 9,6 tỷ đồng, hệ thống quạt nước, sục khí: 2,4 tỷ đồng. Hình thức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% (không quá 1 tỷ đồng/ha nhà bạt và không quá 200 triệu đồng/ha quạt nước, sục khí), hộ dân tự đối ứng ít nhất 50% kinh phí thực hiện.

Đối với nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm, nhà bạt được xây dựng cố định, phủ bạt nylon giúp điều chỉnh nhiệt độ tốt hơn và phòng được bệnh đốm trắng cho tôm trong giai đoạn chuyển mùa ở vụ đông. Nhiệt độ trong nhà bạt luôn cao hơn so với ngoài môi trường từ 5 - 7^{0}C nên nhà bạt có thể chống rét cho tôm; hạn chế sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm, giảm thiểu được stress cho tôm nuôi, nhất là những ngày chuyển rét đậm; giúp ao nuôi tôm không bị phân tầng nước vào những ngày mưa lớn. Vì vậy, người nuôi có thể tăng vụ nuôi trong năm, chủ động tạo ra nguồn sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường với giá cao hơn so với nuôi chính vụ.

Anh Nguyễn Văn Xuyên bên nhà bạt nuôi tôm thẻ chân trắng của gia đình

Phường Tân Thành, quận Dương Kinh có 11 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tham gia chương trình. Đáng chú ý, năng suất tôm đã cho thu hoạch của 5/11 hộ đạt khoảng 15 - 20 tấn/ha, giá bán từ 180.000 - 220.000 đồng/kg, cao gấp 1,4 lần so với giá tôm chính vụ. Tại xã Tiên Hưng, huyện Tiên Lãng, có 6 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm theo chương trình này. Tôm sinh trưởng phát triển tốt, chưa có dấu hiệu dịch bệnh. Mật độ thả giống nuôi tôm vụ đông cao hơn chính vụ (180 - 200 con/m^2).

Đối với diện tích ương nuôi cá giống, khi lắp đặt nhà bạt, người dân có thể ương nuôi quanh năm do môi trường nuôi ổn định, đặc biệt là yếu tố nhiệt độ, ôxy hòa tan trong nước. Hệ thống quạt nước, sục khí có tác dụng tăng cường lượng oxy hòa tan, giúp đàn cá ương nuôi sinh trưởng, phát triển tốt, hạn chế dịch bệnh xảy ra. Không những vậy, mật độ ương nuôi con giống có thể tăng gấp 2 - 3 lần ương thông thường mà vẫn đảm bảo an toàn, chất lượng. Tại xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo, có 7 hộ đã tiến hành ương nuôi trong nhà bạt các loài cá nước ngọt, có cả những loài chịu rét yếu như cá chim trắng, cá rô phi đơn tính. Kết quả cho thấy, tỷ lệ cá sống đạt từ 75 - 85%; sản lượng cá vụ đông ương trong nhà bạt cao gấp 2 - 3 lần so với sản lượng ương qua đông thông thường. Cụ thể, đối với cá chim trắng, năng suất trung bình đạt 2,6 tấn/1.000 m^2, kích cỡ trung bình 80 con/kg.

Anh Nguyễn Văn Xuyên ở khu Tân Tiến, phường Tân Thành, quận Dương Kinh cho biết, gia đình anh được hỗ trợ xây dựng 3 nhà bạt nuôi tôm thẻ chân trắng. So với nuôi thông thường, nuôi tôm trong nhà bạt ưu điểm hơn khi thời tiết thay đổi. Nếu trời mưa lớn, ao nuôi không bị phân tầng nước; thời điểm giá lạnh có bạt che chắn sẽ chống rét cho tôm. Khi nhiệt độ xuống thấp, vẫn có thể tiến hành ương dưỡng để phục vụ nuôi thương phẩm đạt kết quả tốt. Có thể tăng vụ để có sản phẩm phục vụ thị trường vào thời điểm giá cao.

Từ kết quả thực tiễn sản xuất đã cho thấy, chương trình lắp đặt nhà bạt, quạt nước, sục khí trong nuôi trồng thủy sản tại Hải Phòng cần được được nhân rộng để giúp bà con nuôi thủy sản tiếp cận với công nghệ cao trong sản xuất, hạn chế dịch bệnh, nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người lao động■

NGUYỄN HƯƠNG GIANG
Trung tâm Khuyến nông Hải Phòng

QUẢNG NGÃI

SAU 8 NĂM XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Sau gần 8 năm triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Xây dựng nông thôn mới, đến nay tỉnh Quảng Ngãi đã "thay da đổi thịt", có 61/164 xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM).

Đến cuối năm 2018, đã có 164 xã (100% số xã) hoàn thành quy hoạch chung và có đề án xây dựng NTM cấp xã; kết quả thực hiện Bộ tiêu chí NTM trên địa bàn tỉnh đã có chuyển biến tốt: nhóm 1 (đạt 19 tiêu chí) có 59 xã, tăng 48 xã so với năm 2015; nhóm 2 (đạt từ 15 - 18 tiêu chí) có 15 xã; nhóm 3 (đạt từ 10 - 14 tiêu chí) có 47 xã; nhóm 4 (đạt từ 5 - 9 tiêu chí) có 43 xã; không còn xã nào đạt dưới 5 tiêu chí.

Hàng năm, Uỷ ban nhân dân tỉnh (UBND) đều xem xét phân bổ vốn Trung ương cho các xã đạt chuẩn NTM để duy tu bảo dưỡng công trình, tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt và đạt chuẩn xã NTM bền vững. Chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành hỗ trợ xây dựng thí điểm 3 khu dân cư nông thôn kiểu mẫu; Ban hành Bộ tiêu chí các xã NTM nâng cao giai đoạn 2018 - 2020 đối với các xã đã đạt chuẩn NTM.

UBND tỉnh cũng đang chỉ đạo các sở, ngành địa phương tập trung phát triển sản xuất, gắn tái cơ cấu ngành nông nghiệp với xây dựng NTM; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân, nâng cao chất lượng môi trường nông thôn. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể thao, tạo điều kiện để phát triển các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn xã; giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn.

Từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương, tỉnh thực hiện Chương trình năm 2018, UBND tỉnh đã phân bổ 55 tỷ đồng và phê duyệt 260 danh mục dự án, mô hình để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với 164 xã. Đến nay đã có 26 mô hình dự án được UBND các huyện phê duyệt để tổ chức thực hiện. Trong đó, Sơn Tịnh có 6 mô hình, Nghĩa Hành 4 mô hình, Bình Sơn 3 mô hình, Mộ Đức 10 mô hình và TP. Quảng Ngãi 3 mô hình.

Quảng Ngãi luôn chú trọng phát triển sản xuất gắn tái cơ cấu ngành nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới

So với nhiều địa phương trong cả nước, Quảng Ngãi bắt tay triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng NTM tương đối muộn. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, xuất phát điểm thấp, bình quân cả tỉnh chỉ đạt 4,1 tiêu chí/xã (năm 2011), do đó để xây dựng NTM đạt kết quả thì nhu cầu vốn đầu tư không hề nhỏ, Ngân sách các cấp cho xây dựng NTM chưa đáp ứng nhu cầu, trong khi các nguồn huy động khác như tín dụng, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư cho xây dựng NTM không đáng kể nên tình trạng nợ đọng kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng để đạt chuẩn đúng kế hoạch là không tránh khỏi.

Trong khi ngân sách các cấp đầu tư trực tiếp cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM còn nhiều hạn chế, khó khăn, UBND tỉnh đã và đang tập trung xây dựng giải pháp huy động các nguồn lực khác các nguồn lực để thực hiện gồm: Lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác; tăng cường huy động vốn qua kênh tín dụng, vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, hợp tác xã; huy động nguồn lực xã hội hóa từ cộng đồng để giảm tối đa mức phát sinh tình trạng nợ đọng trong nhưng năm tiếp theo.

Năm 2019, Quảng Ngãi phấn đấu có thêm 18 xã về đích nông thôn mới gồm: Bình Khương, Bình Thanh Tây, Bình Thạnh, Bình Hiệp (huyện Bình Sơn); Tịnh Hà, Tịnh Đông, Tịnh Phong (huyện Sơn Tịnh); Đức Thắng, Đức Chánh, Đức Lợi (huyện Mộ Đức); Phổ Thạnh, Phổ Quang, Phổ Văn (huyện Đức Phổ); Tịnh Hòa, Tịnh Ấn Đông (thành phố Quảng Ngãi); Long Sơn (huyện Minh Long); Sơn Thành (huyện Sơn Hà) và An Vĩnh (huyện Lý Sơn).

Vừa qua, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh. Tại hội nghị, đã có nhiều tham luận về kinh nghiệm triển khai xây dựng NTM của các địa phương trong tỉnh đáng được ghi nhận và nhân rộng. Nhân dịp này, UBND tỉnh đã tặng Bằng khen cho 17 tập thể và 35 cá nhân có thành tích xuất sắc thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng NTM" giai đoạn 2016 - 2020■

HẢI YẾN
Phòng Nông nghiệp huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

BẮC NINH: LÀM GIÀU TỪ CHĂN NUÔI VỊT SIÊU THỊT

Đi dọc triền đê từ xã Xuân Lai đến xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, chúng tôi bắt gặp một mầu trắng xóa của những đàn vịt nuôi trông thật đẹp mắt. Được biết, đó là đàn vịt nuôi của anh Nguyễn Sỹ Quý ở thôn Trung Thành, xã Đại Lai, huyện Gia Bình. Chính mô hình này đã giúp anh tìm được con đường phát triển kinh tế của mình sau thời gian dài trăn trở.

Trao đổi với chúng tôi anh Quý cho biết, với 02 tấm bằng đại học trong tay anh đã bôn ba khắp nơi và đã thử sức với nhiều lĩnh vực, khi thì làm trong công ty xây dựng cầu đường, khi thì làm ở bộ phận kinh doanh của công ty sản xuất thuốc bảo vệ thực vật… nhưng anh thấy bản thân không phù hợp với các công việc này. Từ năm 2016, anh về quê làm kinh tế và xây dựng trang trại chăn nuôi. Vốn là con nhà nông dân nên công việc trồng trọt, chăn nuôi ngay từ khi còn bé anh đã biết, kết hợp với kiến thức đã học, anh luôn mơ ước sau này sẽ có trang trại chăn nuôi của riêng mình. Khi mới bắt đầu xây dựng trang trại, do điều kiện kinh tế còn khó khăn và kinh nghiệm chưa nhiều nên năm đầu anh chỉ nuôi từ 10.000 - 20.000 con vịt. Sau hai năm, khi kinh tế tương đối ổn định, anh đã đầu tư nhiều hơn. Thời điểm hiện tại anh đang nuôi trên 12.000 con vịt chia ra làm 03 đàn lớn, nhỏ ở các cỡ tuổi khác nhau, mỗi đàn cách nhau khoảng 01 tháng. Cứ như vậy một năm anh nuôi khoảng 7 - 8 đàn, mỗi đàn từ 3.000 - 5.000 con, xuất chuồng được trên 50.000 con vịt.

Khi được hỏi về kỹ thuật nuôi vịt, anh Quý chia sẻ: Nuôi vịt không khó nhưng quan trọng phải luôn theo dõi, để ý đến tình trạng của đàn vịt để có điều chỉnh bổ sung lượng thức ăn, thuốc phòng dịch bệnh cho hợp lý. Sử dụng con giống nào, mua ở đâu cũng rất quan trọng. Đàn vịt của anh được mua giống từ Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên. Đây là giống vịt bầu lai bơ, vịt siêu thịt lớn rất nhanh, toàn thân có bộ lông mầu trắng. Tính từ khi vịt mới nở, nuôi khoảng 02 tháng là đạt trọng lượng khoảng 2,5 - 3 kg. Vịt bầu lai bơ với những ưu điểm như tỷ lệ sống cao, kháng bệnh tốt, phát triển nhanh, tỷ lệ thịt đùi, ức cao nên được thương lái ưa chuộng. Để có địa điểm nuôi vịt, anh tìm gặp các chủ hồ cá để thuê lại phần mặt nước và anh tận dụng sườn đê để làm nơi cho vịt lên ăn, nghỉ. Bên cạnh đó với vịt loại nhỏ tuổi, anh làm 01 bè nổi có mái che ở giữa hồ để vịt tránh mưa, nắng. Trong quá trình nuôi, anh thực hiện nghiêm ngặt quy trình tiêm phòng dịch bệnh, nhất là tiêm vắc - xin phòng bệnh viêm gan và dịch tả cho vịt con ở giai đoạn 03 và 07 ngày tuổi. Do quy mô đàn lớn nên anh định kỳ bổ sung thuốc phòng bệnh và vitamin vào thức ăn cho vịt.

Nói về đầu ra của mô hình, anh Quý cho biết: Các thương lái thường đến tận nơi mua, nhưng giá cả thì không ổn định. Trong mấy năm nuôi vịt thì đây là thời điểm vịt đang được giá nhất. Giá bán cao nhất được 49.000 đồng/kg nhưng cũng có năm giá vịt xuống thấp chỉ còn 19.000 đồng/kg. Với giá bán trung bình 35.000 - 38.000 đồng/kg, mỗi đàn vịt (khoảng 3.000 con) mà anh xuất bán cũng cho doanh thu khoảng gần 300 triệu đồng. Không chỉ nuôi vịt mà anh Quý còn nuôi 20 con lợn nái, 200 con lợn thịt, 2.000 gà thịt mỗi năm cho doanh thu hàng trăm triệu đồng.

Dự định của anh trong thời gian tới là cùng với một số hộ trong thôn thành lập Hợp tác xã chăn nuôi để liên kết, giúp đỡ nhau về vốn, kỹ thuật cũng như đầu ra cho sản phẩm của mình. Anh mong nhận được sự hỗ trợ từ các cấp chính quyền về kỹ thuật cũng như các loại vắc - xin phòng trừ dịch bệnh trong chăn nuôi. Với tuổi trẻ và lòng đam mê của mình, anh Quý đã gặt hái được những thành quả xứng đáng, đây cũng chính là mô hình cần được quan tâm và nhân rộng■

ĐỖ THỊ VUI
Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh

ĐẮK NÔNG: THÀNH CÔNG CỦA HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT HỒ TIÊU ORGANIC

Sản xuất tiêu hữu cơ theo tiêu chuẩn organic đòi hỏi quy trình kỹ thuật khắt khe, khác hẳn với tập quán canh tác truyền thống. Điều này cũng không hề đơn giản và trên địa bàn tỉnh Đắk Nông vẫn còn chưa nhiều. Thế nhưng tất cả các thành viên Hợp tác xã (HTX) Nông nghiệp, Thương mại, Dịch vụ Hữu cơ Hoàng Nguyên ở xã Thuận Hà, huyện Đắk Song lại chấp nhận bỏ cái cũ để hướng đến sản xuất tiêu sạch, tạo ra chuỗi sản phẩm có truy nguyên nguồn gốc, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

Chị Trần Thị Thu - Chủ tịch Hội đồng quản trị HTX trước đây từng là một cộng tác viên khuyến nông, Chi hội trưởng Hội Nông dân thôn 8, xã Thuận Hà. Với niềm đam mê trong sản xuất nông nghiệp và tinh thần ham học hỏi, chị đã cùng các thành viên khác thành lập nên HTX Hoàng Nguyên với 35 thành viên.

Trái với hình ảnh nhiều vườn tiêu ở huyện Đắk Song nói chung và xã Thuận Hà nói riêng ngả màu vàng úa, trụ chỏng trơ, cây chết tràn làn… những vườn hồ tiêu của HTX Hoàng Nguyên vẫn xanh tốt, cho năng suất ổn định. Có được thành quả như hiện tại là do các thành viên đã thay đổi cách canh tác từ lạm dụng thuốc hóa học, phân bón vô cơ sang sản xuất theo hướng hữu cơ bền vững. Các thành viên tuân thủ nghiêm ngặt sự chỉ đạo của Ban quản trị, sự hướng dẫn của bộ phận kỹ thuật và sự giám sát chặt chẽ của ban kiểm soát môi trường của HTX. Không chỉ trong quá trình chăm sóc mà kể cả thu hoạch và phơi sấy cũng phải đảm bảo chất lượng, không bị lẫn tạp chất. Đa số các thành viên hợp tác xã đều xây dựng hệ thống nhà kính với diện tích 100 - 800 m^2 làm sân phơi hồ tiêu.

Nhờ sự tuân thủ nghiêm ngặt quy trình từ sản xuất cho đến thu hoạch, chế biến mà sản phẩm hồ tiêu của hợp tác xã Hoàng Nguyên trải qua test mẫu với 804 chất khác nhau đều đạt kết quả tốt và hiện nay đã được cấp chứng nhận organic (Do Tổ chức Control Union Certifications cấp). Nhờ vậy mà số lượng các công ty muốn liên kết, thu mua sản phẩm của hợp tác xã ngày càng nhiều, giá thành bán ra cao gấp 2 - 3 lần so với sản phẩm thông thường.

Mỗi tháng, HTX họp 2 lần với để các thành viên chia sẻ kinh nghiệm, cùng nhau kiểm tra vườn định kỳ. Các thành viên phải sử dụng trụ sống, bón 100% phân chuồng đã ủ nấm *Trichoderma* cho hoai mục. Ngoài ra các thành viên còn tự ủ phân cá để bón. Hàng năm, các vườn tiêu phải được rải vôi bột 2 lần trên bề mặt để chống nấm xâm nhập, hạn chế mầm bệnh. Nhờ sự đồng lòng áp dụng những biện pháp đưa ra một cách nghiêm ngặt, những vườn tiêu trồng theo hướng hữu cơ đã thoát khỏi dịch bệnh, tỷ lệ bị nhiễm bệnh chỉ chiếm khoảng 1%.

Để có được thành công như hiện tại, HTX đã phải trải qua những giai đoạn khó khăn. Chị Thu chia sẻ: "Những ngày đầu, để vận động mọi người làm theo cách làm mới không hề đơn giản. Người dân không mặn mà với sản xuất nông nghiệp an toàn, vẫn theo quan điểm mạnh ai nấy làm. Trải qua gần 5 năm vận động, tuyên truyền và gia đình mình làm trước có hiệu quả thì mọi người xung quanh mới cùng làm". Anh Nguyễn Văn Hữu - một thành viên của HTX cho rằng, trồng tiêu theo hướng hữu cơ có nhiều điểm ưu việt. Cách làm này đất trồng tiêu được cải tạo, tơi xốp hơn, tăng khả năng giữ nước và thoát nước. Canh tác theo hướng hữu cơ còn giúp tăng các chủng loại vi sinh vật có ích, nâng cao sức sống rễ cây, hạn chế mầm bệnh gây hại có trong đất. Tuy nhiên, quá trình chăm sóc tiêu hữu cơ cũng có những công đoạn khiến các thành viên HTX vất vả và tốn chi phí hơn như khâu làm cỏ. Tính trung bình, tiền công cắt cỏ trên 1 ha sẽ cao hơn tiền sử dụng thuốc diệt cỏ 4 - 5 lần. Thế nhưng, cách canh tác này lại rất thân thiện với môi trường. Đặc biệt, các loài sâu hại, nấm bệnh, rệp sáp ít tấn công.

Không chỉ dừng lại ở sản xuất hồ tiêu hữu cơ, hiện nay HTX đang xây dựng kế hoạch đầu tư và sản xuất cây ăn trái thế mạnh của vùng như bơ, sầu riêng,… để đáp ứng nhu cầu thị trường. HTX đã liên kết được với một số siêu thị ở Sài Gòn để cung ứng sản phẩm có giá trị cao, mục tiêu đặt ra là đưa tới người tiêu dùng sản phẩm tốt nhất, nguồn gốc rõ ràng, mang lại hiệu quả kinh tế cao■

NGUYỄN THỊ THẮM
Trạm Khuyến nông huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông

MÔ HÌNH LIÊN KẾT SẢN XUẤT LÚA GIỐNG HIỆU QUẢ TẠI ĐỒNG THÁP

Câu lạc bộ (CLB) sản xuất lúa giống ở ấp 5, xã Hòa Bình, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp hiện có 7 thành viên canh tác trên 20 ha tại Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Hòa Lợi. Mỗi năm, CLB đã cung cấp cho Công ty Giống cây trồng Đồng Tháp trên 375 tấn giống lúa cấp xác nhận I các loại, tạo được nguồn thu nhập đáng kể cho nông dân, góp phần mang lại nguồn giống lúa chất lượng phục vụ sản xuất nông nghiệp…

Ông Nguyễn Văn Thơ bên cánh đồng lúa giống của câu lạc bộ

Hơn 10 năm qua, ông Nguyễn Văn Thơ - Chủ nhiệm CLB sản xuất lúa giống luôn là người tiên phong trong sản xuất lúa giống cung cấp kịp thời nhu cầu của công ty. Với 7 ha đất canh tác 3 vụ lúa giống/năm, bình quân mỗi vụ, ông Thơ sản xuất từ 45 - 50 tấn lúa giống các loại, bán cho Công ty Giống cây trồng Đồng Tháp theo hợp đồng liên kết bao tiêu sản phẩm nên có khoản thu nhập trên dưới 100 triệu đồng. Vụ đông xuân 2018 - 2019, ông Thơ thu hoạch 7 ha lúa giống OM 4900 cấp xác nhận I, với năng suất đạt 7 tấn/ha, bán cho Công ty giống cây trồng Đồng Tháp giá 6.100 đồng/kg (cao hơn giá thị trường tại thời điểm là 600 đồng/kg). Trừ tất cả chi phí đầu tư và công chăm sóc ông Thơ lãi trên 90 triệu đồng. Vụ hè thu 2019, ông Thơ đang sản xuất 2 loại giống lúa OM 4900 và OM 9582 trên diện tích 7 ha. Trà lúa đã được từ 75 - 80 ngày tuổi, đang phát triển tốt, chưa phát hiện sâu bệnh phá hại. Ông Thơ cũng thường xuyên thăm đồng và chủ động phòng ngừa sâu rầy hại lúa…

Ông Nguyễn Văn Thơ chia sẻ: "Sản xuất lúa giống cho lợi nhuận cao hơn so với sản xuất lúa thông thường. Nhờ liên kết với Công ty Giống cây trồng Đồng Tháp nên sản phẩm tiêu thụ thuận lợi. Nhờ thế từ nhiều năm nay, diện tích đất ruộng bằng phẳng hơn, giống lúa được thuần chủng và nâng cao chất lượng hơn… Trong quá trình canh tác, Công ty còn cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên bám sát đồng ruộng, hướng dẫn bà con cách bón phân theo bảng so màu lá lúa, phòng ngừa sâu bệnh cho lúa… Đặc biệt, việc thực hiện chương trình 3 giảm - 3 tăng, 1 phải - 5 giảm… mang lại rất nhiều hiệu quả."

Vụ đông xuân 2018 - 2019, ông Châu Văn Đà - thành viên CLB canh tác 2 ha giống lúa OM 9582 nguyên chủng. Sau khi hoạch, lúa cho năng suất bình quân 6 tấn/ha, bán cho Công ty Giống cây trồng Đồng Tháp bao tiêu sản phẩm với giá 5.700 đồng/kg, thu nhập gần 70 triệu đồng. Trừ tất cả chi phí đầu tư và công chăm sóc, ông Đà còn lãi hơn 34 triệu đồng. Vụ hè thu này, ông Đà tiếp tục sản xuất giống lúa OM 9582 nguyên chủng, lúa đã được 75 ngày tuổi, đang trổ đòng… Ông Đà cho biết, liên kết sản xuất lúa giống cho Công ty giống cây trồng Đồng Tháp mười mấy năm nay khiến ông rất yên tâm trong sản xuất. Giá bán lúa giống cho Công ty luôn ổn định, tại thời điểm hiện tại, giá của công ty cao hơn giá thị trường 600 đồng/kg.

Được biết, trung bình mỗi năm 3 vụ, CLB sản xuất lúa giống ấp 5 xã Hòa Bình cung cấp cho Công ty giống cây trồng Đồng Tháp trên 375 tấn lúa giống OM 4900, OM 5451, OM 9582, OM 576, Jacmine 85, RVT… Ông Lê Văn Quân - Phó Chủ tịch UBND xã Hòa Bình khẳng định: "Hoạt động của CLB sản xuất lúa giống ấp 5 rất hiệu quả. Chúng tôi rất khuyến khích HTX và Chủ nhiệm CLB làm việc với Công ty tiếp tục nhân rộng mô hình sản xuất lúa giống để tăng thêm nguồn thu nhập cho bà con, đấy cũng là cách để đáp ứng tiêu chí về thu nhập trong quá trình xây dựng nông thôn mới của xã nhà".

CLB sản xuất lúa giống ấp 5, xã Hòa Bình hiện là địa chỉ cung cấp lúa giống chất lượng cao được nông dân tín nhiệm sử dụng nhiều qua. Mô hình này đang được nghiên cứu nhân rộng để góp phần tăng thu nhập cho bà con và phát triển nền nông nghiệp của địa phương, làm giàu cho quê hương■

TRẦN TRỌNG TRUNG
Đài Truyền thanh Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp

THANH HÓA: NGƯỜI CỰU CHIẾN BINH LÀM KINH TẾ GIỎI

Chúng tôi biết tới ông Trần Giang Nam, một hội viên cựu chiến binh làm kinh tế giỏi của huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa qua lời giới thiệu của đồng chí Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh huyện. Ấn tượng với những lời kể về ông, chúng tôi đã tìm tới tận nhà ông ở thôn Nhạn Trạch, xã Hà Lai để "giải mã" câu chuyện.

Tiếp tôi trong căn nhà khang trang, bề thế với nhiều tiện nghi sang trọng của gia đình, ông chia sẻ tỉ mỉ về quá trình phát triển kinh tế của bản thân. Ông trở về địa phương sau 13 năm tham gia quân ngũ với chế độ bệnh binh. Trước đây, ông và gia đình sống ở làng Vân Cô, đất đai chật hẹp nên đời sống khó khăn. Nung nấu trong tâm trí của người lính Cụ Hồ là mong muốn thoát nghèo, ông cùng với gia đình tập trung phát triển kinh tế, tìm cơ hội làm giàu trên mảnh đất quê hương. Thời điểm đó phong trào hội viên cựu chiến binh giúp nhau phát triển kinh tế xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng do Hội Cựu chiến binh huyện phát động liên tục mạnh mẽ trong nhiều năm và đạt được nhiều kết quả tốt đã "tiếp lửa" thôi thúc ông khắc phục mọi khó khăn.

Năm 1996, gia đình ông chuyển đến nơi ở hiện nay là thôn Nhạn Trạch. Ông mạnh dạn đấu thầu 1,5 ha đất (1ha = 5.000m^2) tại khu vực khó sản xuất để phát triển kinh tế trang trại tổng hợp trong thời hạn 50 năm. Nguồn vốn ban đầu còn hạn hẹp nhưng với bản tính cần cù chịu khó "năng nhặt, chặt bị", gia đình ông đã tích cóp tiết kiệm chi tiêu trong gia đình để ưu tiên vốn đầu tư phát triển kinh tế, và theo lời ông "có đất, có tiền, có lao động, có cơ chế, môi trường thuận lợi... thì sẽ có tất cả". Trên cơ sở quỹ đất hiện có, ông Nam sử dụng 0,5 ha đất để trồng 2 vụ lúa; năng suất bình quân đạt 5 tấn thóc/ha/vụ, bán với giá thị trường cũng thu được 35 triệu đồng, sau khi trừ chi phí, còn thu lãi 15 triệu đồng/năm. Trên diện tích ao 0,5 ha, mỗi năm 2 vụ nuôi, ông thả các loại cá truyền thống như trắm cỏ, trôi, mè, chép... Sau khi trừ chi phí, ông cũng thu lãi trên 60 triệu đồng/ha cá thương phẩm. Cây ăn quả các loại như na, nhãn, vải thiều, bưởi, chuối... trồng trên diện tích khoảng 500 m^2, mỗi năm thu hoạch cũng lãi tới 15 triệu đồng. Với lợi thế bạt ngàn hoa cây rừng, cây trong vườn rừng nên ông đã nuôi tới 30 đàn ong mật..., mỗi năm trừ chi phí cũng thu nhập khoảng 15 triệu đồng.

Dẫn tôi tới thăm chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm (có diện tích 500 m^2), ông Nam tiếp tục cho biết, đàn lợn thịt thường xuyên trong chuồng mỗi năm trên 30 con; xuất chuồng 3 lứa lợn/năm, gia đình ông thu lãi 30 triệu đồng/năm. Ông nhẩm tính: "Tính sơ sơ sau một năm lăn lộn vất vả nhưng công sức, tiền của bỏ ra cũng bõ công. Nếu trừ chi phí đầu tư, mỗi năm gia đình tôi lãi ròng cũng được từ 135 - 140 triệu đồng"...

Để đạt được kết quả đó, gia đình ông Nam đã áp dụng kinh nghiệm từ dân gian như chú trọng "nước, phân, cần, giống", kết hợp với tích cực chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng vật nuôi, thường xuyên cập nhật thông tin thị trường, giá cả, tìm đầu ra cho sản phẩm...

Cựu chiến binh Trần Giang Nam bên căn nhà khang trang của gia đình

Ngoài ra bản thân ông Nam luôn chịu khó tìm tòi, học hỏi kiến thức, kinh nghiệm thực tế ở các nơi thành công để áp dụng hiệu quả, cho giá trị kinh tế cao hơn.

Chia tay ông Nam, tôi thật sự khâm phục những người lính Cụ Hồ sau khi hoàn thành nhiệm vụ về với đời thường, lại tiếp tục lăn lộn, gương mẫu trên "mặt trận" phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu. Những mô hình kinh tế như mô hình của Cựu chiến binh Trần Giang Nam nên được nhân rộng để góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở mọi miền quê trong cả nước■

LÊ NHƯ CƯƠNG
Tiểu khu 6, thị trấn Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

LÂM ĐỒNG: HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH CHĂN NUÔI THỎ

Khách tham quan mô hình nuôi thỏ của gia đình anh Trần Ngọc Dư

Đến thăm mô hình chăn nuôi thỏ của gia đình anh Trần Ngọc Dư ở thôn Trại Phong, xã Bảo Thuận, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, chúng tôi được tận mắt chứng kiến đàn thỏ khỏe mạnh với đủ kích cỡ. Đây là mô hình có hiệu quả, là hướng phát triển kinh tế mới cho bà con nhân dân trong vùng.

Nói về quá trình bén duyên với nghề chăn nuôi thỏ, anh Dư chia sẻ: Năm 2016, anh mua 3 con thỏ giống về nuôi thử. Trong quá trình nuôi, anh nhận thấy thỏ dễ chăm sóc, nhanh sinh sản và mang lại hiệu quả kinh tế cao nên quyết định đầu tư mở rộng quy mô chăn nuôi.

Hiện nay, mô hình có 15 con thỏ đực giống, 120 con thỏ cái sinh sản và tổng đàn thỏ luôn duy trì ở mức 700 - 800 con. Anh chia làm 2 khu vực nuôi riêng biệt trên diện tích gần 1.000m^2, một khu nuôi thỏ cái sinh sản và một khu nuôi thỏ con sau khi tách mẹ. Để chủ động nguồn thức ăn cho thỏ, anh đã phá bỏ dần 7.000m^2 diện tích cà phê già cỗi để trồng cây vông. Hiện gia đình anh đã trồng được gần 3.000m^2 cây vông (năm thứ 3) đang cho thu hoạch lá. Còn một phần diện tích đất, anh sử dụng để làm bể ủ phân, chăn nuôi gà và diện tích đất ở.

Nuôi thỏ khá đơn giản vì thức ăn cho chúng rất phổ biến, chủ yếu là lá vông, thứ lá dễ kiếm và có sẵn ở những khu vực xung quanh. Với số lượng đàn thỏ trong trại, trung bình 1 ngày tiêu thụ hết 1 tạ lá vông. Ngoài lá vông, anh còn cho thỏ ăn bổ sung thêm cám, ngô nấu chín và các loại thức ăn khác như cỏ voi, cỏ sả, cây đậu rừng, lá bìm bìm…

Sau một thời gian triển khai, anh nhận thỏ dễ nuôi, lợi nhuận cao, ít dịch bệnh, thị trường tiêu thụ lớn. Thông thường chỉ 30 ngày sau sinh là thỏ con có thể tách mẹ, nhưng để thỏ con cứng cáp, khỏe mạnh, ít bệnh và dễ chăm sóc thì nên tách mẹ sau 40 ngày. Vấn đề phòng bệnh cho đàn thỏ cũng được anh hết sức quan tâm, anh luôn chủ động áp dụng quy trình phòng bệnh chặt chẽ. Đàn thỏ giống được tiêm vắc - xin định kỳ 6 tháng/lần, thỏ con từ 1,5 tháng tuổi sẽ tiêm vắc - xin một lần cho tới khi xuất bán. Ngoài ra, anh sử dụng men tiêu hóa và kháng sinh để phòng bệnh hô hấp và tiêu hóa cho đàn thỏ…

Với 120 thỏ cái sinh sản, trung bình mỗi năm thỏ đẻ 5 - 6 lứa, mỗi lứa 6 - 8 con. Sau 3 tháng nuôi, trọng lượng đạt 2,5 - 3 kg/con là có thể xuất bán. Đầu ra thuận lợi, thương lái đến tận trại để thu mua, hàng tháng trại thỏ của anh xuất ra thị trường 5 - 6 tạ thịt thỏ, với giá trung bình dao động 75.000 - 80.000 đồng/kg đã mang về cho gia đình anh thu nhập 35 - 40 triệu đồng/tháng. Ngoài bán thỏ thịt, gia đình anh Dư còn cung cấp thỏ con và thỏ cái đã mang thai với giá lần lượt 130.000 đồng/cặp thỏ con 01 tháng tuổi và 140.000 đồng/kg thỏ cái đã mang thai cho những ai có nhu cầu.

Để khuyến khích bà con quanh vùng nuôi thỏ, ngoài việc tư vấn kỹ thuật cho người mua, đổi con giống không đạt yêu cầu, gia đình anh còn nhận bao tiêu sản phẩm cho người nuôi mua giống của gia đình. Chưa dừng lại ở đó, trong quá trình nuôi, nhận thấy phân thỏ thải ra khá nhiều, ảnh hưởng đến môi trường, anh nảy ra ý định dùng vỏ cà phê rải bên dưới, vừa giảm mùi hôi, lại đỡ công dọn chuồng. Trung bình cứ 10 ngày anh mới dọn chuồng một lần. Lượng phân trộn với vỏ cà phê này được anh đem ủ với nấm Trichoderma, sau 3 tháng, gia đình anh lại có phân hoai mục để bón cho diện tích vông đang trồng. Hàng năm, theo ước tính, gia đình anh có thể thu được hơn 1.000 bao phân, mỗi bao 25 kg, với giá bán 35.000 đồng/bao, đã mang lại cho gia đình anh thu nhập thêm 35 - 40 triệu đồng. Với nguồn thức ăn dư thừa trong quá trình nuôi thỏ, anh tận dụng nuôi thêm hơn 200 con gà để tăng thêm thu nhập. Bên cạnh đó, anh cũng đang thử nghiệm nuôi trùn quế để tận dụng chất thải của thỏ, nếu thành công sẽ mang lại thêm nguồn thu đáng kể.

Anh Nguyễn Thế Phong - Chủ tịch Hội Nông dân xã Bảo Thuận khẳng định: Nuôi thỏ là một hướng đi mới, phù hợp điều kiện tại địa phương. Từ mô hình có hiệu quả của gia đình anh Dư, thời gian tới, Hội sẽ chú trọng công tác tuyên truyền nhằm nhân rộng mô hình nuôi thỏ trên địa bàn xã■

VĂN THỌ - XUÂN DUY
Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng

TRÀ VINH: KHẤM KHÁ NHỜ NUÔI ẾCH SINH SẢN

Trong những năm qua, nhiều hộ nông dân ở tỉnh Trà Vinh đã mạnh dạn chuyển đổi mô hình sản xuất để tìm ra hướng phát triển mới giúp tăng thu nhập cho gia đình. Tận dụng diện tích đất quanh nhà, anh Nguyễn Minh Nhựt ở ấp Ô Chích, xã Thông Hòa, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã triển khai mô hình nuôi ếch sinh sản.

Anh Nhựt là người tiên phong trong mô hình nuôi ếch sinh sản tại địa phương. Lúc trước gia đình anh có vài công đất giồng cát quanh nhà trồng các loại cây màu, thu nhập cũng khá. Năm 2014, sau khi tốt nghiệp Khoa Nông nghiệp Thủy sản, Trường Đại học Trà Vinh, trong một chuyến đi thăm bạn bè ở các tỉnh Đồng Tháp, Tiền Giang, anh thấy mô hình nuôi ếch sinh sản, nuôi ếch thương phẩm có hiệu quả kinh tế cao lại không tốn nhiều diện tích đất, vốn đầu tư không nhiều. Với kiến thức có được sau những năm học ở trường, anh quyết định tận dụng đất quanh nhà bố trí lồng nuôi và mua hơn 100 con ếnh giống Thái Lan về nuôi thử nghiệm.

Do chưa có kinh nghiệm về chăm sóc ếch sinh sản nên anh phải bán ếch thương phẩm. Qua thất bại lần đầu, anh rút kinh nghiệm đầu tư lại lồng nuôi. Anh làm các lồng nuôi bằng lưới, đặt ở dưới các ao. Mỗi lồng có chiều cao 1 mét, diện tích khoảng 30 m^2. Dưới mỗi lồng, anh lót bạt, phía trên phủ lưới mùng để chống ếch bị thất thoát. Thức ăn của ếch là thức ăn công nghiệp.

Trong quá trình nuôi, gia đình anh tuyển chọn được một số ếch khỏe để làm giống. Ếch sinh sản mỗi năm 2 lần vào đầu và cuối mùa mưa. Ếch bố mẹ sau khi nuôi từ 10 đến 12 tháng sẽ bắt đầu sinh sản. Khi ếch chuẩn bị sinh sản phải phân cặp, sau khi cho ếch cặp đôi khoảng 6 đến 8 giờ thì ếch sẽ đẻ trứng. Ếch đẻ trứng xong thì bắt ếch bố, mẹ ra nuôi nhốt riêng. Trứng ếch sau 24 giờ sẽ nở, bình quân 10 cặp ếch giống sẽ cho khoảng 10.000 ếch con và tỉ lệ sống đến khi xuất bán là trên 80%. Trong 4 năm qua, gia đình anh bán được trên 600.000 con ếch giống với giá 1.500 đồng/con, trên 35 tấn ếch thương phẩm với giá 27.000 đồng/kg và trên 300 cặp ếch giống bố mẹ với giá 200.000 đồng/cặp. Sau khi trừ chi phí, gia đình anh thu lãi hơn 500 triệu đồng. Hiện nay gia đình anh có trên 1.000 cặp ếch giống bố mẹ, trên 8.000 con ếch thương phẩm. Cứ 4 tháng, gia đình anh thu hoạch một lần, trọng lượng khoảng 4 con/kg. Ngoài ra, tận dụng ao và nguồn chất thải, thức ăn từ nuôi ếch, gia đình anh đã nuôi thêm cá trê, cá rô phi, cá tai tượng; mỗi năm cho sản lượng hơn 3 tấn.

Theo anh Nhựt, để nuôi ếch thành công và đạt hiệu quả cao, người nuôi cần chú ý bảo đảm nguồn nước sạch, thường xuyên thay nước để ao nuôi không bị ô nhiễm. Ếch thích nơi yên tĩnh, ít người qua lại, sợ rắn, chim, chuột…

Ngoài thu nhập cho gia đình, anh Nhựt còn hỗ trợ ứng trước cho 10 hộ nông dân nghèo ở địa phương con giống, thức ăn, thuốc phòng trị bệnh… tới cuối vụ nuôi mới thu hồi vốn. Anh cũng hướng dẫn kỹ thuật nuôi và bao tiêu toàn bộ sản phẩm cho những gia đình này. Có thể nói mô hình nuôi ếch của anh Nhựt là mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, giúp bà con vươn lên thoát nghèo■

NGUYỄN TÂN
Đài Truyền thanh Truyền hình tỉnh Trà Vinh

BẮC GIANG: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO GIÚP NÔNG DÂN TĂNG THU NHẬP

Thời gian gần đây, tại nhiều huyện của tỉnh Bắc Giang như Lạng Giang, Việt Yên, Yên Dũng, Sơn Động… đã xuất hiện hàng trăm hộ nông dân có thu nhập cao nhờ phát triển nghề trồng nấm ứng dụng công nghệ cao.

Nấm giống được bà con mua tại Trung tâm Giống nấm Bắc Giang. Đây là những bịch nấm giống được chứng nhận đảm bảo an toàn, chất lượng. Ngoài ra, các nguyên liệu phục vụ trồng nấm như rơm rạ, mùn cưa, bã mía, thân lõi ngô, thân cây keo... được tận dụng từ quá trình sản xuất nông nghiệp. Toàn bộ các nguyên liệu này được xử lý bằng nước vôi và cho vào lò hấp khử trùng nguyên liệu. Trong quá trình trồng nấm, các loại hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật đều bị cấm sử dụng; lượng phân bón cũng chỉ ở mức vừa đủ. Sau khoảng 3 tháng, nấm cho thu hoạch và đưa vào sơ chế, đóng gói thành phẩm. Trong quá trình này, người sản xuất luôn đeo khẩu trang, găng tay và mặc quần áo bảo hộ, tuân thủ các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Ông Đỗ Vinh Thúy là một trong những hộ tiên phong trong phát triển trồng nấm ứng dụng công nghệ cao tại xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang. Trên diện tích 4.000m^2, ông Thúy mạnh dạn đầu tư trang thiết bị để trồng nấm ứng dụng công nghệ cao. Nhờ áp dụng đúng kỹ thuật nên sản phẩm nấm thành phẩm thu được luôn bảo đảm chất lượng. Từ năm 2016 đến nay, bình quân mỗi tháng gia đình ông thu được khoảng hơn 20 triệu đồng từ tiền bán các loại nấm. Cũng tại xã Nghĩa Hưng, sau khi được sự hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật từ dự án trồng nấm của tỉnh, anh Đồng Văn Điệp đã đầu tư cơ sở trồng nấm với diện tích 5.000m^2, trong đó có 700m^2 nhà xưởng. Trung bình mỗi vụ, anh Điệp đã đưa vào sản xuất trên 300 tấn nguyên liệu nấm sò, nấm rơm, nấm mỡ… mỗi năm thu về trên 1 tỷ đồng.

Trồng nấm ứng dụng công nghệ cao hiện chỉ là một trong số hàng chục mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đang mang lại hiệu quả trên toàn tỉnh Bắc Giang. Toàn tỉnh hiện đã xây dựng được hơn 50 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trong đó, riêng năm 2018, xây dựng được 26 mô hình. Ngoài 22 mô hình rau, nấm trồng trong nhà lưới, nhà màng với diện tích 41.178 m^2 còn có các mô hình tưới tiết kiệm, trồng rau thủy canh, tưới nhỏ giọt cho chè, tưới phun mưa tự động, trồng vải thiều theo phương pháp hữu cơ; các mô hình nuôi lợn sạch, lợn hữu cơ với chuồng kín, hiện đại...

Theo ông Dương Văn Thái, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao đã tạo điều kiện giúp người nông dân giảm thiểu rủi ro trước những tác động bất lợi của thời tiết, sâu bệnh hại, đồng thời nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm so với cách làm thông thường. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được đánh giá là lĩnh vực mới và tiềm ẩn nhiều khó khăn. Nông dân phải thay đổi tư duy sản xuất từ truyền thống sang phương thức sản xuất mới, áp dụng khoa học công nghệ. Ứng dụng công nghệ cao đòi hỏi nguồn vốn thực hiện rất lớn; gắn chặt với định hướng của thị trường tiêu thụ.

Trong thời gian tới, tỉnh Bắc Giang sẽ hoàn thiện những cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm tập trung tháo gỡ khó khăn của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tiếp tục nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đạt hiệu quả; thu hút, vận động doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ cá thể tích cực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng để sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đồng thời, tỉnh sẽ quan tâm triển khai các phương án xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, tăng cường liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ nông sản để bảo đảm đầu ra cho nông dân yên tâm sản xuất, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ngày càng phát triển hiệu quả, bền vững■

TẠ QUANG ĐẠO
Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

QUY TRÌNH TỰ ĐỂ GIỐNG SẮN SẠCH BỆNH KHẢM LÁ ÁP DỤNG CHO HỘ NÔNG DÂN TỰ ĐỂ GIỐNG KHÔNG ĐƯỢC PHÉP KINH DOANH

(Kỳ 2)

1. Chọn giống và nguồn giống sạch bệnh

Chọn giống sắn (khoai mì) chống chịu hoặc ít nhiễm bệnh, tuyệt đối không trồng các giống sắn nhiễm bệnh mà cơ quan chuyên ngành bảo vệ thực vật (BVTV) khuyến cáo.

Chọn nguồn giống sạch bệnh để trồng bằng cách lấy giống rõ nguồn gốc từ các vùng hoặc cơ sở sản xuất giống sạch bệnh, có đầy đủ hồ sơ chứng minh kiểm soát bệnh, gồm: hộ sản xuất, diện tích, tên giống, nguồn gốc, kết quả giám định vi - rút khi thu hoạch (tối thiểu 30 mẫu lấy từ 30 cây ngẫu nhiên; lô giống không đạt nếu phát hiện > 01 mẫu dương tính; giám định vi - rút gây bệnh khảm lá sắn tại các cơ sở có máy móc, thiết bị, dụng cụ giám định bằng phương pháp ELISA hoặc PCR được cơ quan chuyên môn BVTV chỉ định).

2. Bố trí ruộng trồng

Hộ nông dân cần dành riêng một phần diện tích để sản xuất giống sạch bệnh. Nên cách ly với ruộng sản xuất sắn thương phẩm hoặc trồng xen với cây ngô, lạc để cách ly ruộng sản xuất giống và hạn chế lây lan bệnh.

3. Thời vụ

Thời vụ trồng là vụ sản xuất chính tại địa phương để giảm áp lực bọ phấn trắng tập trung vào khu vực sản xuất giống.

4. Biện pháp chăm sóc, phòng trừ bọ phấn trắng

a. Biện pháp chăm sóc

Áp dụng đầy đủ các biện pháp chăm sóc trong quy trình canh tác do Cục Trồng trọt ban hành để cây giống khỏe, chất lượng cao.

b. Phòng trừ bọ phấn trắng

Khi phát hiện bọ phấn trắng vào bẫy hoặc trên ruộng sắn thì tiến hành thu mẫu bọ phấn trắng để giám định vi - rút khảm lá sắn, nếu mẫu dương tính thì tiến hành phun thuốc BVTV trừ bọ phấn trắng môi giới, có thể phun phòng sớm nếu trong điều kiện mật độ bọ phấn trắng cao, áp lực bệnh cao.

Sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục được phép sử dụng hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép; phun trừ bọ phấn trắng theo nguyên tắc 4 đúng.

5. Kiểm tra, tiêu hủy cây bệnh

Ngay từ khi hom sắn mọc mầm đến khi thu hoạch, định kỳ 5 - 7 ngày/lần kiểm tra đồng ruộng để phát hiện cây sắn có biểu hiện triệu chứng bệnh, tiến hành tiêu hủy ngay bằng cách nhổ toàn bộ cây đem chôn lấp hoặc đốt.

Trước khi thu hoạch, kiểm tra để phát hiện cây sắn bị bệnh lần cuối cùng và tiêu hủy như trên.

Khuyến khích thu mẫu cây giống để giám định vi - rút khảm lá sắn: tối thiểu 30 mẫu trên 30 cây sắn ngẫu nhiên trong ruộng sản xuất giống sạch bệnh, nếu phát hiện > 02 mẫu dương tính với vi - rút gây bệnh khảm lá thì ruộng giống không đạt yêu cầu giống sạch bệnh.

6. Thu hoạch

Thu hoạch cây giống khi ruộng sắn đạt 8 tháng tuổi trở lên, trước khi thu hoạch lưu ý:

- Kiểm tra để phát hiện cây sắn bị bệnh lần cuối cùng và tiêu hủy như trên.

- Thu mẫu cây giống để giám định vi - rút khảm lá sắn: tối thiểu 30 mẫu trên 30 cây sắn ngẫu nhiên trong ruộng sản xuất giống sạch bệnh, nếu phát hiện > 02 mẫu dương tính với vi - rút gây bệnh khảm lá thì ruộng giống không đạt yêu cầu giống sạch bệnh.

Hom giống lấy từ 1/3 ở đoạn giữa thân cây sắn, chiều dài của hom trồng sản xuất là 20 cm, đạt tối thiểu là 6 - 10 đốt, không nên chặt hom quá ngắn hoặc quá dài. Khi chặt hom dùng các loại dụng cụ sắc, bén để chặt và tránh làm cho hom bị thương tổn về mặt cơ giới như trầy vỏ hoặc dập phần thân gỗ của hom.

7. Bảo quản giống

Thời gian bảo quản giống không quá 30 ngày sau thu hoạch, bảo quản giống theo cách: bó từng bó để nằm hoặc dựng đứng cây giống trong bóng râm, hoặc có thể cắm thẳng từng cây xuống đất theo từng cụm từ 500 - 1.000 cây/cụm. Trong thời gian bảo quản, cây giống có thể bị các loại côn trùng tấn công vì thế có thể sử dụng các loại thuốc diệt côn trùng phù hợp để phòng trừ.

Trong thời gian bảo quản cây giống cần thường xuyên kiểm tra, nếu phát hiện bọ phấn trắng thì phun trừ để chống lây nhiễm bệnh và loại bỏ cây có biểu hiện triệu chứng bệnh■

CỤC TRỒNG TRỌT

Người dân cần thường xuyên kiểm tra đồng ruộng để sớm phát hiện cây sắn có biểu hiện triệu chứng bệnh

PHƯƠNG PHÁP TƯỚI NHỎ GIỌT CHO CÂY TRỒNG

Thời gian gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tình trạng hạn hán, thiếu nước tưới đang ngày càng nghiêm trọng, nhất là đối với các vùng gò đồi. Để đối phó với tình trạng hạn hán, thiếu nước ngọt ngày càng gia tăng do tác động của biến đổi khí hậu, thời gian qua, các ngành, các cấp đã đưa ra nhiều giải pháp giúp người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng và các phương pháp canh tác tiên tiến. Trong đó, mô hình tưới tiết kiệm nước cho cây trồng bằng hệ thống tưới nhỏ giọt là một giải pháp khoa học có hiệu quả cao.

Tưới nhỏ giọt (Drip Irrigation/ Strickle Irrigation) là một dạng cơ bản của kỹ thuật tưới tiết kiệm nước (hay vi tưới micro irrigation). Đây là hình thức đưa nước trực tiếp trên mặt đất đến vùng gốc cây trồng một cách liên tục dưới dạng từng giọt nhờ các thiết bị đặc trưng là các vòi tạo giọt (được cấp nước bởi hệ thống đường ống dẫn cấp nước áp lực). Tưới nhỏ giọt cung cấp nước vào rễ cây dưới dạng các giọt nước nhỏ ra chậm với lưu lượng không đổi nhờ các cơ chế đều tiết áp lực nước của các đầu nhỏ giọt gắn chìm trong ống dẫn hay lắp bên ngoài ống. Hệ thống tưới này mang từng giọt nước tới cây trồng, tránh được thất thoát và lãng phí nước.

Hệ thống tưới nhỏ giọt khá đơn giản bao gồm bơm, hoặc tháp nước, hệ thống lọc tạp chất hoặc xử lý chất thải, hệ thống phân bón hoặc chất dinh dưỡng đi kèm, đường ống dẫn và thiết bị tạo giọt. Hệ thống bơm và các van xả có thể điều khiển bằng tay hoặc tự động bằng máy tính.

1. Cách xác định lượng nước cần tưới cho cây trồng

Lượng nước tưới yêu cầu (IWR) là khối lượng nước để duy trì độ ẩm tối ưu và khống chế độ mặn của đất phù hợp với cây trong suốt mùa vụ cây trồng. IWR thường sử dụng theo đơn vị tính là mm.

- Những yếu tố chính quyết định IWR:

Tổng lượng bốc thoát hơi nước = lượng thoát hơi nước của cây + lượng thoát hơi nước trực tiếp của bề mặt cây trồng vào không khí. (xác định bằng chậu đo bốc hơi chuẩn A).

Hệ số tưới cây trồng: đúc kết qua nhiều năm nghiên cứu thực nghiệm của chuyên gia nông học.

IWR = Tổng lượng bốc thoát hơi nước x Hệ số tưới cây trồng

- Chậu đo độ bốc thoát hơi nước theo chuẩn A của hiệp hội tưới thế giới.

Ví dụ về tính toán lượng nước cần tưới:

Thông số từ chậu đo độ bốc thoát hơi nước là 4mm, hệ số tưới cây trồng là 0.7. Lúc đó: IWR= 4mm x 0.7 = 2.8mm ~ 8m^3/ha.

Đầu tưới nhỏ giọt Rivulis Supertif của Israel

- Căng kế đo ẩm: Thiết bị kiểm soát khối lượng tưới.

Thiết bị này được cắm xuống đất ngay tại vùng rễ tích cực của cây để đo độ ẩm đất. Với thiết bị này đi kèm với hệ thống tưới nhỏ giọt, cây luôn được đảm bảo đủ ẩm để sinh trưởng và phát triển. Thiết bị đơn giản, dễ sử dụng, theo nguyên lý chênh lệch về áp suất, không sử dụng điện hay pin.

- Tưới phân

Tưới phân là kỹ thuật thông qua hệ thống tưới phân phối chính xác và đồng đều lượng dinh dưỡng nuôi cây trồng vào vùng rễ cây theo nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng trong suốt mùa vụ. 60% công dụng của dây nhỏ giọt là để cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng.

2. Chuẩn bị vật tư

Nguồn nước (bể chứa nước, bơm từ sông suối…), Van xả, Bộ lọc nước, Bộ châm phân Venturi, Đồng hồ đo áp, Van áp, Hệ thống dẫn nước ống PVC hoặc HDPE hoặc PE, Ống PE, Dây tưới nhỏ giọt trải dọc luống, Các phụ kiện nối thiết bị: Co, tê, van…

a. Ống nhỏ giọt (Drip inline): Ống nhỏ giọt là những ống dẫn nước bằng nhựa PE với đường kính ống và độ dày ống khác nhau được gắn chìm bên trong giọt rất đa dạng, tuỳ theo yêu cầu của cây trồng và suất đầu tư mà chúng ta có thể lựa chọn loại dây nhỏ ống những đầu nhỏ giọt với khoảng cách và lưu lượng của đầu nhỏ giọt để sử dụng.

b. Hệ thống lọc: Hệ thống lọc là phần quan trọng nhất của hệ thống tưới nhỏ giọt. Có nhiều loại lọc khác nhau: lọc màng, lọc đĩa, lọc giá thể, lọc tách cát. Các hệ thống lọc sẽ được vệ sinh lõi lọc bằng tay, bán tự động và tự động theo áp lực hoặc thời gian. Tùy theo chất lượng nguồn nước, Netafim sẽ cung cấp một hệ

thống lọc đảm bảo dây nhỏ giọt hoạt động tốt, nước và phân bón hoà tan sau khi đi qua hệ thống lọc sẽ được đưa vào hệ thống nhỏ giọt cung cấp cho cây trồng.

c. Hệ thống định lượng và châm phân bón: 60% công dụng của hệ thống tưới nhỏ giọt là sử dụng phân bón qua hệ thống. Phân bón hòa tan trong nước được đưa chính xác vào bộ rễ tích cực của cây trồng hàng ngày hoặc nhiều lần trong một ngày với liều lượng xác định. Bộ định lượng và châm phân bón có thể điều khiển tự động để hút phân từ 5 kênh châm phân khác nhau với tỷ lệ đấu trộn theo khối lượng và được kiểm soát bằng độ dẫn điện và độ pH của dung dịch tưới. Các trang trại nhỏ hoặc suất đầu tư thấp có thể sử dụng những bộ châm phân bón đơn giản bằng cơ cho từng loại phân bón với việc kiểm soát khối lượng phân cung cấp ở mức độ tương đối.

d. Hệ thống điều khiển tưới tự động: Hệ thống tưới sẽ được điều khiển bằng lưu lượng, thời gian hay bằng những sensor cảm biến ẩm độ hay nhiệt độ. Hệ thống điều khiển sẽ đóng mở máy bơm và van điện để tưới theo rất nhiều những chương trình tưới được lập trình sẵn. Hệ thống điều khiển có thể truyền tín hiệu bằng dây Cable hay tín hiệu sóng radio) cho những diện tích lớn từ vài trăm đến hàng ngàn hecta.

3. Một số giải pháp tiết kiệm chi phí đầu tư hệ thống tưới nhỏ giọt

- Thiết kế chính xác và hợp lý là yếu tố đầu tiên để tiết kiệm chi phí đầu tư. Một hệ thống tưới nhỏ giọt được thiết kế bài bản phải được tính toán về yếu tố kỹ thuật nông học kết hợp với yếu tố kỹ thuật thủy lực chính xác và chi tiết theo cơ cấu cây trồng, địa hình, nguồn điện nguồn nước, kết cấu đất và từng lớp thiết bị sử dụng.

- Sử dụng dây nhỏ giọt lưu lượng thấp không những chỉ mang lại lợi ích về kỹ thuật nông học như đã trình bày ở phần trước mà còn là giải pháp tiết kiệm chi phí đầu tư. Dùng dây nhỏ giọt lưu lượng thấp, ta sẽ tưới giảm được đường kính ống chính và ống nhánh, kéo theo giảm được đường kính và công suất của các thiết bị kèm theo như máy bơm, bộ lọc, bộ hút phân, van điều áp, van đóng mở… Ngoài ra còn giảm thiểu công vận hành hệ thống vì diện tích của một lần vận hành tưới sẽ rộng hơn.

Ví dụ một nông hộ sử dụng dây nhỏ giọt có lưu lượng 2L/h, vườn chia thành 04 van vận hành luân phiên, mỗi van tưới 1 giờ/ngày, lưu lượng một van là 20m^3/h, ống chính 75mm, ống nhánh 60mm, bộ lọc 3", bơm 5.5HP, nếu sử dụng dây nhỏ giọt có lưu lượng 1L/h, sẽ xảy ra hai trường hợp:

+ Nếu tiếp tục thành 04 van khu vực, công suất của hệ thống sẽ là 10m^3/h, ống chính sử dụng ống 50mm, ống nhánh 40mm, bộ lọc 1.5", máy bơm 3HP.

+ Nếu chia lại thành 02 van khu vực, công suất của hệ thống vẫn sẽ là 20m^3/h, tuy nhiên vận hành chỉ còn 02 lần đóng mở van, tiết kiệm được 02 bộ van khu vực và công vận hành hệ thống.

- Sử dụng dây nhỏ giọt có đường kính phù hợp với bố trí sản xuất. Quyết định sự đồng đều của dây nhỏ giọt là sự kết hợp của 03 yếu tố: áp lực hoạt động, cơ chế bù áp của đầu nhỏ giọt, lưu lượng đầu nhỏ giọt và đường kính ống nhỏ giọt. Nếu giữ nguyên cấu tạo của đầu nhỏ giọt và áp lực hoạt động thì đường kính ống nhỏ giọt sẽ quyết định lưu lượng nước cung cấp cho một đường nhỏ giọt, tức là quyết định độ dài sử dụng của dây nhỏ giọt.

Công nghệ tưới nhỏ giọt

Thông thường đối với đường kính ống 16mm, lưu lượng đầu nhỏ giọt 1L/h, khoảng cách lỗ nhỏ giọt 0.2m sẽ chạy dài được trung bình 100m, khoảng cách đầu nhỏ giọt 0.3m chạy dài được trung bình 160m, mà vẫn đảm bảo được độ đồng đều 93% theo chuẩn của dây nhỏ giọt. Đối với loại nhỏ giọt có tính năng tương tự, chỉ giảm đường kính ống xuống còn 12mm, đối với loại khoảng cách 0.2m dây nhỏ giọt sẽ chạy dài được trung bình 60m và khoảng cách 0.3m chạy dài được trung bình 100m. Nếu chiều dài luống (hàng cây) của nông hộ không vượt quá 60m hoặc 100m tùy theo lựa chọn sử dụng khoảng cách nhỏ giọt, chúng ta có thể sử dụng đường kính dây nhỏ giọt 12mm, sẽ tiết kiệm được rất nhiều chi phí đầu tư vì đương nhiên là đường kính dây nhỏ giọt 12mm sẽ rẻ hơn nhiều so với đường kính 16mm.

Ngoài ra, nếu sử dụng dây nhỏ giọt 12mm, dải áp lực hoạt động của dây nhỏ giọt sẽ rộng hơn vì với cùng một độ dày thành ống, đường kính nhỏ sẽ chịu áp lực tốt hơn đường kính lớn, đồng thời áp lực tại ngưỡng giới hạn ống nhỏ giọt bị nổ, vỡ sẽ cao hơn so với với các loại có đường kính lớn hơn. Áp lực sử dụng trong ống lớn hơn cũng góp phần nâng cao hiệu quả việc thống ống nhỏ giọt, ngăn ngừa tốt hơn việc lắng đọng kết tủa gây tắc nghẹt đầu nhỏ giọt■

BBT *(gt)*

MỘT SỐ KINH NGHIỆM NUÔI GHÉP CUA VỚI CÁ DÌA TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

Năm 2018, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bình Định phối hợp với Trạm Khuyến nông các huyện Hoài Nhơn và Phù Cát xây dựng mô hình "Nuôi ghép cua với cá dìa" tại những vùng có ao nuôi đạt hiệu quả thấp. Mô hình thành công đã mở ra một hướng đi mới cho nghề nuôi trồng thủy sản ngày càng ổn định và bền vững hơn. Dưới đây xin giới thiệu với bà con một số kinh nghiệm triển khai mô hình này như sau:

1. Lựa chọn địa điểm

- Nên chọn nơi giao thông thuận tiện, có điện lưới, đảm bảo an ninh.

- Bờ ao chắc chắn, giữ được nước, có cống cấp và cống thoát nước.

- Ao nuôi nằm ở vùng cao triều hoặc trung triều, nơi có nguồn nước sạch không bị ô nhiễm do chất thải nông, công nghiệp và sinh hoạt.

- Ao có mực nước sâu trên 1 m.

- Diện tích ao nuôi: > 3.000 m^2.

2. Chuẩn bị ao nuôi

a. Cải tạo ao

- Tháo cạn nước. Nếu cần, đào mương thoát ở giữa ao hoặc xung quanh ao sao cho dốc về phía cửa thoát để nước chảy ra dễ dàng.

- Phơi khô cho đến khi đất đáy ao nứt ra.

- Vét bùn đáy và mang ra xa ao để đề phòng không chảy ngược lại ao khi có mưa lớn.

- Thau rửa ao bằng cách lấy nước vào đến độ sâu 30 cm, giữ trong 24 giờ rồi tháo ra.

- Gia cố cống, làm đăng lưới chắn quanh cống, phía trong ao. Tu sửa lại những nơi xung yếu, lấp hết những lỗ mọi để tránh thất thoát nước, thẩm lậu.

- Ao có đăng chắn quanh bờ bằng lưới ny - lon loại thưa hoặc đăng tre,... nghiêng về phía trong ao một góc 60^0, đăng phải cao từ 0,8 - 1 m.

- Trong ao nên bỏ chà cho cua ẩn nấp, cắm chà đều khắp ao, số lượng nhiều hơn ở khu vực gần bờ.

b. Bón vôi

Sau khi cải tạo ao, tiến hành bón vôi nhằm tiêu diệt mầm bệnh. Tùy vào giá trị pH đất ở mỗi ao nuôi khác nhau mà ta tiến hành bón lượng vôi khác nhau:

Độ pH đất	Vôi nông nghiệp $CaCO_3$ (tấn/ha)	Vôi tôi $Ca(OH)_2$ (tấn/ha)
> 6	1	0,5
5 – 6	2	1
< 5	3	1,5

c. Gây màu nước

Hai ngày sau khi cấp nước vào ao nuôi, tiến hành gây màu nước bằng một trong 2 cách:

* Cách 1: Cám gạo + bột đậu nành + bột cá phối trộn theo tỷ lệ 2:2:1. Nấu chín, ủ trong 2 - 3 ngày.

+ Bước 1: Lúc 7 - 8h sáng: bón vôi đen Dolomite $CaMg(CO_3)_2$ hoặc vôi nông nghiệp $CaCO_3$ liều lượng 100 - 150 kg/1.000 m^3.

+ Bước 2: Lúc 10 - 12h trưa: bón cám ủ liều lượng 3 - 4 kg/1.000 m^3.

Lặp lại 2 bước trên liên tục trong 3 - 5 ngày đến khi độ trong của nước đạt 30 - 40 cm.

* Cách 2: Mật đường + cám gạo + bột đậu nành theo tỷ lệ 3:1:3, ủ trong 12 giờ.

Lúc 9 - 10 giờ sáng: bón mật đường + cám gạo + bột đậu nành đã qua ủ với liều lượng 2 - 3 kg/1.000 m^3 nước ao, tạt liên tục 3 ngày.

* Các chỉ tiêu môi trường trước khi thả:

- Oxy hòa tan: > 4 ppm.
- NH_3: < 0,1 ppm.
- pH nước: 7,5 - 8,5.
- Độ trong: 30 - 40 cm.
- Nhiệt độ: 28 - 32°C.
- Độ mặn: 10 - 25‰.
- Độ sâu của nước: 1 - 1,5 m.
- Màu nước: xanh lá cây pha nâu.

3. Chọn giống và thả giống

a. Chọn giống

- Cua giống có kích thước đồng đều, linh hoạt; không bệnh tật, dị hình; màu sắc tươi sáng, đầy đủ các phần phụ và khỏe mạnh. Cua có chiều mai rộng từ 0,5 - 0,7 cm.

- Cá dìa giống có màu sắc tươi sáng, không dị hình, không bị sây sát, lở loét. Cá hoạt động linh hoạt, bơi lội nhanh nhẹn, kích cỡ tốt nhất 4 - 6 cm.

b. Thả giống

- Mật độ thả giống: cua 2 con/m^2, cá dìa 0,2 con/m^2.

- Cua 1, 2 kích cỡ 0,5 - 0,7cm sau 20 ngày thả nuôi đạt kích cỡ khoảng 2cm thì sau đó mới tiến hành thả cá dìa.

- Trước khi thả giống cần so sánh các yếu tố môi trường (pH, độ mặn, độ kiềm,...) để điều chỉnh, tránh gây sốc cho đối tượng nuôi.

- Nên thả giống lúc sáng sớm hoặc chiều mát. Chọn đầu hướng gió để thả.

- Đối với cua, thả ở nhiều điểm trong ao để cua tự bò xuống. Những con yếu thường nằm tại chỗ hoặc bò chậm thì thu lại cho vào giai để theo dõi, nếu phục hồi thì tiếp tục thả nuôi.

4. Chăm sóc và quản lý

a. Thức ăn và cách cho ăn

* Chỉ cho ăn đối tượng nuôi chính là cua.

- Thức ăn cho cua trong 7 ngày đầu:

+ Thành phần: cá tạp (80%), tôm (15%), dầu mực (1%), trứng gà (3%), khoáng vi lượng (1%).

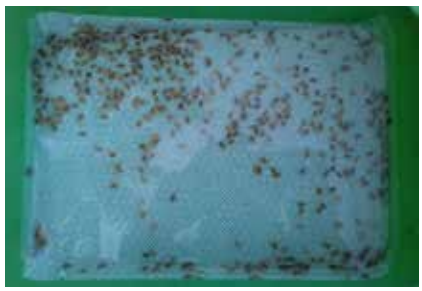

Cua giống

Cá dìa giống

+ Tất cả các nguyên liệu được trộn đều và xay mịn, sau đó hấp cách thủy. Thức ăn được cà qua mắt lưới cho phù hợp rồi tạt đều xung quanh ao.

+ Ngày cho ăn 4 lần vào các thời điểm: 8h, 11h, 17h và 22h. Lượng thức ăn chiếm 6 - 8% trọng lượng đàn cua.

- Từ ngày thứ 08 đến ngày thứ 15:

+ Thành phần: cá tạp (95%), dầu mực (1%), trứng gà (3%), khoáng vi lượng (1%). Tất cả được hấp chín rồi cà qua mắt lưới phù hợp để làm thức ăn cho cua.

+ Ngày cho ăn 4 lần vào các thời điểm: 8h, 11h, 17h và 22h. Lượng thức ăn chiếm từ 6 - 8% trọng lượng đàn cua.

- Sau ngày thứ 15:

+ Cua đạt kích cỡ 1,5 - 2 cm, cho cua ăn thức ăn tươi sống như cá tạp, nhuyễn thể hai mảnh vỏ,.. được băm nhỏ và hấp chín. Lượng thức ăn hàng ngày chiếm 4 - 6% trọng lượng đàn cua.

Lượng thức ăn hàng ngày cho 10.000 cua giống

Tuần	Tổng lượng thức ăn trong ngày (kg)
1	0,6 - 0,7
2	0,8
3	1,1
4	1,5 - 1,8

- Sau 30 ngày:

+ Cua đạt trọng lượng 5 - 7 gam, chiều rộng mai từ 2,5 - 3,5 cm. Tỷ lệ sống đạt 70 - 75%.

+ Thức ăn chủ yếu là: cá vụn, ốc, đầu cá,... được hấp chín. Cho cua ăn 2 lần/ngày vào lúc sáng sớm và chiều tối. Lượng thức ăn buổi chiều tối tăng gấp đôi buổi sáng. Thức ăn được rải đều quanh ao để tránh cua tranh nhau.

+ Lượng thức ăn hàng ngày chiếm 4 - 6% trọng lượng đàn cua.

- Thường xuyên kiểm tra khả năng bắt mồi của cua để tăng, giảm nguồn thức ăn hợp lý. Nên dùng nhá để kiểm tra thức ăn sau khi cho ăn khoảng 2 - 3 giờ.

* Đối với cá dìa, ngoài nguồn thức ăn tự nhiên có sẵn trong ao, thức ăn thừa của cua nên bổ sung thêm các loại rong như: rong tơ (*Cladophora sp*), rong lông cứng (*Chaetomorpha sp*), rong ống (*Enteromorpha tubulosa*), rong diếp (*Ulva* sp.),... để làm nguồn thức ăn cho cá. Rong được thả trong khung nổi trên mặt nước đặt cách bờ 1,5 - 2 m. Lượng thức ăn chiếm 30 - 40% trọng lượng cá có trong ao. Thường xuyên quan sát khả năng sử dụng thức ăn, tình trạng sức khỏe của cá và thời tiết để điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp.

Lượng thức ăn hàng ngày cho 10.000 cua giống sau 30 ngày nuôi

Tuần nuôi	Lượng thức ăn/ngày (kg)
1	3,2 - 4,8
2	4,8 - 6,4
3	8 - 9,6
4	11,2 - 12,8
5	12,8 - 14,4
6	16 - 17,6
7	17,6 - 19,2
8	20,8 - 22,4
9	24 - 25,6
10	27,2 - 28,8
11	28,8 - 32
12	32 - 35,2
13	36,8 - 40
14	40 - 48
15	48 - 56
16	56 - 64

b. Quản lý ao nuôi

- Quản lý môi trường:

+ Duy trì độ sâu mực nước ao nuôi trên 1m, lý tưởng nhất là 1,5m; màu nước nên có màu xanh lá cây pha nâu, nâu vàng hoặc xanh; pH nên duy trì trong khoảng 7,5 - 7,8 là tốt nhất.

+ Mỗi ngày thay từ 20 - 30% lượng nước trong ao. Một tuần nên thay toàn bộ nước trong ao một lần.

- Theo dõi tăng trưởng:

+ Định kỳ 2 tuần/lần bắt cua và cá dìa để cân, đo kích thước nhằm theo dõi tốc độ sinh trưởng của cua và cá dìa.

+ Thời gian cuối vụ nuôi, lượng thức ăn tăng lên nên ao nuôi rất dễ ô nhiễm, cần thường xuyên thay nước, kiểm tra môi trường ao nuôi.

- Công tác bảo vệ chống thất thoát:

+ Thường xuyên kiểm tra ao, tình trạng bờ, cống, rào chắn tránh thất thoát cua.

+ Khi cua nuôi được 3 - 4 tháng thì thường hay bò ra khỏi ao nên để ý tới một trong các nguyên nhân sau: mật độ cua quá dày, cua thiếu thức ăn, thời tiết thay đổi.

- Thường xuyên kiểm tra, loại bỏ cua chết ra khỏi ao nuôi.

5. Phòng bệnh và địch hại

- Phòng bệnh:

+ Chọn con giống tốt, có nguồn gốc rõ ràng và không mang mầm bệnh. Mật độ thả nuôi hợp lý.

+ Quản lý tốt môi trường ao nuôi giúp cho cua, cá sinh trưởng phát triển nhanh và khỏe mạnh.

+ Cho cua ăn vừa đủ, tránh tình trạng thức ăn thừa gây ô nhiễm môi trường ao nuôi.

Các chỉ tiêu các yếu tố kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu		Đvt	Giá trị
1	Mật độ	Cua	con/m^2	02
		Cá dìa		0,2
2	Kích cỡ giống	Cua	cm	0,5 - 0,7
		Cá dìa		04 - 06
3	Tỷ lệ sống	Cua	%	40
		Cá dìa		50
4	Kích cỡ thu	Cua	g	250
		Cá dìa		150
5	Hệ số chuyển đổi thức ăn (cua)			05
6	Thời gian nuôi		tháng	05

+ Không cho cua ăn thức ăn tươi sống vì dễ đưa mầm bệnh vào ao nuôi qua con đường thức ăn.

- Phòng địch hại: Làm rào chắn xung quanh ao nuôi thật kỹ, tránh các địch hại xâm nhập ăn cua lúc cua lột.

6. Thu hoạch

Cua thương phẩm đạt 250 gam/con trở lên, cá dìa đạt 150 gam/con thì tiến hành thu hoạch. Có thể thu tỉa hoặc tháo cạn ao thu toàn bộ. Cua được giữ sống tránh gây thương tật, sẽ làm giảm giá trị của cua khi bán■

THÀNH NGUYÊN
Trung tâm Khuyến nông Bình Định

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐÈN LED TRÊN TÀU LƯỚI VÂY KẾT HỢP ÁNH SÁNG Ở VÙNG BIỂN XA BỜ

Ứng dụng đèn LED phù hợp thay thế loại đèn truyền thống ngư dân đang sử dụng trong thời gian gần đây đã được nghiêu cứu áp dụng ở một số tỉnh ven biển nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn sáng nhằm, tiết kiệm chi phí đầu tư và chi phí hoạt động nhưng vẫn đảm bảo năng suất đánh bắt. Bài viết này đề cập đến việc sử dụng đèn LED trên tàu lưới vây khai thác thủy sản xa bờ đã được áp dụng tại một số địa phương ven biển, do Công ty CP Bóng đèn Phích nước Rạng Đông hợp tác nghiên cứu với các viện, trường liên quan.

1. Chủng loại đèn LED

Đèn LED sử dụng lắp đặt trên tàu lưới vây kết hợp ánh sáng do Công ty CP Bóng đèn Phích nước Rạng Đông sản xuất có thông số kỹ thuật như sau:

Model: D DC04L/300W
- Điện áp/tần số: 100-277VAC/50-60Hz
- Công suất: 300 W
- Quang thông: 39.000 lm
- Hiệu suất: 130 lm/W
- Nhiệt độ màu: 4.000K/5.000K
- Ánh sáng: vàng/trắng
- Cấp bảo vệ (IP): 66
- Tuổi thọ: 20.000 h
- Trọng lượng: 5,2 kg

Model: D DC04L/200W
- Điện áp/tần số: 100-277VAC/50-60Hz
- Công suất: 200 W
- Quang thông: 26.000 lm
- Hiệu suất: 130 lm/W
- Nhiệt độ màu: 4.000K/5.000K
- Ánh sáng: vàng/trắng
- Cấp bảo vệ (IP): 66
- Tuổi thọ: 20.000 h
- Trọng lượng: 4 kg

2. Kết quả ứng dụng đèn LED trên tàu lưới vây xa bờ

Trên cơ sở phối hợp nghiên cứu ứng dụng đèn LED trong lĩnh vực khai thác thủy sản giữa Viện Hải dương học và Công ty CP Bóng đèn Phích nước Rạng Đông, chủ yếu áp dụng cho nghề lưới vây khai thác thủy sản xa bờ, tiến hành triển khai 10 mô hình thử nghiệm ở các địa phương ven biển có nghề lưới vây kết hợp ánh sáng phát triển như Thanh Hóa, Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Kiên Giang,… Trong đó, 5 tàu đánh bắt vào vụ Nam từ tháng 4 đến tháng 10/2018, 5 tàu đánh bắt vào vụ Bắc từ tháng 11/2018 đến tháng 3/2019.

Vụ Nam đánh bắt trung bình 9 mẻ/chuyến biển, sản lượng đạt 25,6 tấn/chuyến; vụ Bắc đánh bắt trung bình 11 mẻ/chuyến biển, sản lượng đạt 38,3 tấn/chuyến.

Sản phẩm đánh bắt được chủ yếu là các loài cá nổi như: Cá chim, cá nục, cá ngừ,… Kết quả so với các tàu lưới vây sử dụng đèn MH đánh bắt trong cùng ngư trường cho thấy: Khả năng thu hút cá của tàu; Sản lượng và năng suất đánh bắt của tàu lưới vây sử dụng đèn LED tương đương với các tàu lưới vây sử dụng đèn MH.

3. Đánh giá hiệu quả sản xuất của tàu lưới vây sử dụng đèn LED

Kết quả khảo sát của tàu lưới vây sử dụng đèn LED thay thế toàn bộ đèn MH qua các chuyến đánh bắt trong cùng ngư trường, cho thấy:

- Chi phí trung bình của chuyến biển đối với tàu lưới sử dụng đèn LED chỉ chiếm khoảng 78,2% so với tàu sử dụng đèn MH.

- Doanh thu của tàu lưới vây sử dụng đèn LED cao hơn tàu sử dụng đèn MH khoảng 21,7%. Qua đó có thể thấy rằng khả năng tập trung đàn cá và sản lượng đánh bắt của tàu lưới vây sử dụng đèn LED hiệu quả hơn tàu sử dụng đèn MH.

- Lợi nhuận trung bình của chuyến biển đối với tàu sử dụng đèn LED cao hơn khoảng 52,5% so với tàu sử dụng đèn MH, khoảng 156 triệu đồng/chuyến biển. Đây là khoản lợi nhuận từ việc tiết kiệm chi phí từ nhiên liệu chạy máy phát điện và sản lượng đánh bắt hiệu quả trong chuyến biển.

4. Đánh giá tính năng của đèn LED dùng cho nghề lưới vây

* Tuổi thọ: Đèn LED có tuổi thọ thấp nhất là 25.000 giờ, cao gấp 3 lần so với đèn MH và gấp 2,5 lần so với đèn Compact. Với tuổi thọ đèn LED do Rạng Đông sản xuất công bố hiện nay, thì thời gian sử dụng đèn LED đánh bắt thủy sản có thời gian khoảng 5 - 6 năm.

* Hiệu suất sử dụng năng lượng cao: Hiệu suất quang 130lm/w cao hơn gấp 3 lần so với đèn MH. Đèn LED có công suất thấp rất nhiều so với đèn MH, giúp tiết kiệm nhiên liệu chạy máy phát điện, giảm hao mòn, tiết kiệm chi phí sản xuất.

* Thân thiện với môi trường: Sử dụng đèn LED tiết kiệm nhiên liệu nên giảm được lượng khí thải nhà kính ra môi trường, đồng thời đèn LED không chứa thủy ngân (Hg) và các dẫn xuất, Chì (Pb) và Cadimum (Cd).

Tàu sử dụng đèn LED tại tỉnh Quảng Bình

Tàu sử dụng đèn LED tại tỉnh Thanh Hóa

* Độ bền cao: Đèn LED được thiết kế hiện nay có độ bền cao, chịu được va đập và rung lắc mạnh và điều kiện thời tiết khắc nghiệt như ánh nắng mặt trời, mưa, gió, nước mặn…

* Không phát xạ tia tử ngoại (UV): Trong quá trình vận hành đánh bắt trên biển, ngư dân thường tiếp xúc trực tiếp với nguồn sáng có cường độ cao nhưng không bị tác động tới thị lực của mắt, không ảnh hưởng đến da, đảm bảo an toàn cho sức khỏe người lao động.

* Độ phân tán ánh sáng: Vùng chiếu sáng của đèn LED đồng đều, độ sâu chiếu sáng xuống nước tập trung cá ổn định.

* Đèn sáng tức thì và cho phép tắt bật liên tục: Điều này rất thuận lợi trong quá trình thao tác vận hành đánh bắt cá, có thể tiến hành các mẻ lưới đánh bắt liên tục, không phải chờ đợi. Đặt biệt, khi đang tập trung đàn cá nếu gặp sự cố về máy phát tắt đột ngột, có thể thay đổi nguồn máy phát để bật sáng ngay tức thì, khả năng giữ lại đàn cá tập trung cao không bị phân tán.

Tàu sử dụng đèn LED tại tỉnh Bình Thuận

Có thể nói sử dụng đèn LED trong nghề lưới vây kết hợp ánh sáng là phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ hiện nay. Các tàu lưới vây sử dụng đèn LED giảm chi phí chuyến biển trung bình 21,8%, tăng doanh thu trung bình 21,7% cho mỗi chuyến biển, đồng thời tăng lợi nhuận chuyến biển trung bình 52,5% so với tàu sử dụng đèn Metal halide.

- Tàu lưới vây sử dụng đèn LED góp phần bảo vệ môi trường và giảm tác động của hiệu ứng nhà khí, trung bình mỗi tàu sẽ giảm phát thải 3,5 tấn khí CO_2 trong một chuyến biển và khoảng 35 tấn khí CO_2 trong một năm.

- Sử dụng đèn LED giảm hao mòn máy phát điện, tiết kiệm nhiên liệu, giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận chuyến biển.

- Ứng dụng công nghệ đèn LED trong khai thác hải sản góp phần đảm bảo sức khỏe cho thuyền viên, nâng cao thu nhập, tạo điều kiện cho lao động biển theo đuổi nghề, giảm áp lực điều kiện thiếu lao động biển như hiện nay■

NGUYỄN PHI UY VŨ, BÙI ĐỨC LỈNH,
TRẦN TRUNG TƯỞNG

CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM SỮA VIỆT NAM XUẤT KHẨU SANG TRUNG QUỐC

(Kỳ 1)

Vừa qua, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ký Nghị định thư với Tổng cục Hải quan Trung Quốc về các yêu cầu thú y và sức khỏe cộng đồng đối với các sản phẩm sữa của Việt Nam khi xuất khẩu sang Trung Quốc. Để đảm bảo an toàn thực phẩm với những lô hàng xuất khẩu, các cơ sở vắt sữa và cơ sở thu gom sữa tươi nguyên liệu cần thực hiện đúng quy định về kỹ thuật theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-151:2017/BNNPTNT, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu đối với động vật

a. Động vật được vắt sữa phải là động vật khỏe mạnh, không bị viêm vú. Trong trường hợp con vật mới khỏi bệnh mà có điều trị kháng sinh thì việc khai thác sữa chỉ được tiến hành khi đã đủ thời gian ngừng thuốc đúng quy định của nhà sản xuất.

b. Động vật phải được giám sát và không bị mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như lở mồm long móng (FMD) và các bệnh truyền lây sang người như sảy thai truyền nhiễm (*Brucellosis*), lao (*Tuberculosis)*, xoắn khuẩn (*Leptospirosis*).

2. Yêu cầu đối với cơ sở vắt sữa

a. Yêu cầu về địa điểm

Phải xây dựng khu vực vắt sữa tại địa điểm tách biệt với khu vực chuồng nuôi động vật vắt sữa, cách xa nguồn ô nhiễm, có đường đi thuận tiện cho việc đi lại cho động vật khai thác sữa và vận chuyển sữa.

b. Yêu cầu về thiết kế và bố trí

Cơ sở vắt sữa phải có hố sát trùng bảo đảm yêu cầu kỹ thuật tại cổng ra vào và ở các khu vực khác như: khu rửa dụng cụ chứa sữa, khu lấy mẫu xét nghiệm nhanh;

Sàn khu vực vắt sữa phải làm bằng vật liệu bền, không thấm nước, phẳng, chống trơn trượt, dễ làm sạch và khử trùng, bảo đảm thoát nước tốt và không đọng nước trên sàn;

Nơi vắt sữa phải có có hệ thống thanh ngáng, giá cố định để đảm bảo an toàn cho người vắt sữa đối với khu vực vắt sữa;

Cơ sở vắt sữa phải có bồn rửa tay trước khi vào khu vực vắt sữa, thùng chứa chất thải phải đặt ở ngoài khu vực vắt sữa;

Cơ sở vắt sữa phải phải có khu riêng biệt để các dụng cụ, thùng, xô đựng sữa, vắt sữa, khăn lau vú, khăn lọc, ca hoặc cốc nhúng vú…

c. Yêu cầu về trang thiết bị, dụng cụ

Thùng chứa sữa, đường ống dẫn sữa được làm bằng vật liệu phù hợp với thực phẩm, không gỉ, không thôi nhiễm vào sữa, bề mặt nhẵn, không có ngóc ngách, dễ vệ sinh; thùng chứa sữa phải có nắp đậy kín; thùng và bồn chứa phải có đủ dung tích để chứa đựng được toàn bộ lượng sữa vắt trong toàn bộ ca sản xuất;

Khăn lọc sữa và khăn lau bầu vú được làm bằng chất liệu vải thô dễ thấm nước hoặc phải là khăn tiệt trùng dùng một lần, không bị biến đổi màu, rách nát. Sử dụng riêng khăn lau bầu vú cho mỗi động vật cho sữa; phải giặt sạch, làm khô và khử trùng khăn trước mỗi lần lọc sữa và lau bầu vú;

Cơ sở vắt sữa phải có dụng cụ chuyên dụng để nhúng núm vú và dụng cụ chuyên dụng để kiểm tra những tia sữa đầu trước khi vắt sữa;

Các dụng cụ sử dụng trong quá trình vắt phải được làm sạch trước và sau khi vắt sữa và được để trên giá cách mặt đất tối thiểu 01 m.

d. Yêu cầu về ánh sáng, thông khí

Cơ sở vắt sữa phải đảm bảo có đủ ánh sáng với cường độ từ 300 - 350 Lux tại khu vực vắt sữa; phải có lưới hoặc chụp bảo vệ hệ thống đèn chiếu sáng;

Cơ sở vắt sữa phải có hệ thống thông khí hoạt động.

3. Yêu cầu đối với cơ sở thu gom sữa tươi

a. Yêu cầu về địa điểm

Địa điểm phải tách biệt với những nơi có nguy cơ gây ô nhiễm như: khu chăn nuôi, khu vệ sinh; cách xa khu tập kết rác thải tối thiểu 100 m.

b. Yêu cầu về thiết kế và bố trí

Tại cổng ra vào phải có hố sát trùng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;

Nơi thu gom sữa phải có mái che và tường bao quanh tới mái, chiều cao tối thiểu từ sàn tới mái là 03 m, tường nhà được ốp gạch men trắng cao từ 02 m trở lên;

Vật liệu làm mái, ốp tường nơi thu gom sữa phải chắc chắn, bền, nhẵn, chống ẩm mốc, dễ làm sạch và khử trùng; tại vị trí tiếp giáp giữa mặt sàn, tường và các góc cột phải xây nghiêng hoặc lòng máng;

Vật liệu làm sàn phải bền, không thấm nước, chống trơn trượt, dễ làm sạch và khử trùng; sàn phải phẳng, bảo đảm thoát nước tốt và không đọng nước trên sàn;

Nơi thu gom sữa phải đảm bảo thông thoáng, kiểm soát được các loại động vật gây hại;

Nơi thu gom sữa không được bố trí khu vệ sinh; phải có bồn rửa tay, máy sấy khô tay hoặc khăn lau sử dụng một lần, thùng chứa chất thải phải có nắp đậy kín;

Hệ thống bồn chứa phải được bố trí tách biệt với khu vực vắt sữa và các khu có nguy cơ ô nhiễm như chuồng nuôi nhốt động vật, khu vệ sinh;

Bồn chứa đựng sữa được phân loại và bố trí theo khu vực bảo quản và khu vực thu gom; bố trí từ bồn trung gian sang bồn bảo quản phải theo nguyên tắc một chiều.

4. Yêu cầu đối với người vắt sữa, thu gom sữa

a. Phải được tập huấn và được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm do đơn vị có chức năng, nhiệm vụ cấp theo quy định hiện hành.

b. Phải được khám sức khỏe, không mắc các bệnh thuộc danh mục các bệnh truyền nhiễm theo quy định của Bộ Y tế và được cấp Giấy xác nhận đủ sức khỏe trước khi hành nghề, được định kỳ khám lại sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế.

c. Phải mang đầy đủ bảo hộ lao động như: quần áo bảo hộ, mũ chụp tóc, khẩu trang, ủng trong khi làm việc; phải rửa tay, sát trùng tay trước và sau khi tiếp xúc trực tiếp với núm vú.

d. Phải tuân thủ các quy định về thực hành vệ sinh cá nhân: thường xuyên giữ móng tay ngắn, sạch sẽ; không đeo đồ trang sức như nhẫn, đồng hồ trong quá trình làm việc; không hút thuốc, khạc nhổ trong khu vực vắt sữa, thu gom sữa.

5. Yêu cầu đối với nước

Nước sử dụng để vệ sinh trang thiết bị, dụng cụ, rửa tay công nhân và vệ sinh cơ sở phải đạt quy chuẩn kỹ thuật theo QCVN 02:2009/BYT về chất lượng nước sinh hoạt.

6. Yêu cầu đối với hệ thống bồn chứa, bảo quản sữa tươi và tec đựng sữa của xe chuyên dụng

a. Bồn chứa sữa phải có trang thiết bị làm lạnh để duy trì nhiệt độ đúng theo quy định từ 2 - 6^{0}C và có gắn nhiệt kế kiểm soát nhiệt độ.

b. Bồn chứa sữa và tec đựng sữa của xe chuyên dụng được chế tạo bằng vật liệu không làm ô nhiễm thực phẩm và dễ làm sạch; lượng sữa chứa trong bồn chứa và tec phải phù hợp với công suất thiết kế.

c. Nhiệt độ của bồn chứa sữa, tec đựng sữa của xe chuyên dụng phải được theo dõi trong suốt quá trình bảo quản, vận chuyển và được ghi vào hồ sơ.

7. Yêu cầu về làm sạch, khử trùng

a. Cơ sở vắt sữa, cơ sở thu gom sữa tươi phải có quy trình làm sạch và khử trùng đối với nhà xưởng, thiết bị, máy móc, dụng cụ.

b. Nội dung quy trình làm sạch và khử trùng phải bao gồm các bước tiến hành, tần suất, thời điểm thực hiện, loại hóa chất, nồng độ hóa chất được sử dụng.

c. Cơ sở vắt sữa, cơ sở thu gom sữa tươi chỉ được sử dụng các hóa chất tẩy rửa, khử trùng theo quy định của Bộ Y tế; nồng độ thuốc sát trùng sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

d. Cơ sở vắt sữa, cơ sở thu gom sữa tươi phải có sổ nhật ký theo dõi hoạt động làm sạch và khử trùng đối với trang thiết bị, dụng cụ phục vụ vắt sữa và thu gom, chứa đựng, bảo quản sữa tươi.

e. Việc vắt sữa hoặc thu gom chỉ được thực hiện khi nhà xưởng, thiết bị, dụng cụ đạt yêu cầu vệ sinh.

8. Yêu cầu về xử lý chất thải

a. Cơ sở vắt sữa, cơ sở thu gom sữa tươi phải có hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn; đường dẫn nước thải phải kín, tránh được nước bên ngoài tràn vào.

b. Cơ sở vắt sữa, cơ sở thu gom sữa tươi phải xử lý nước thải, chất thải rắn sao cho sau khi xử lý bảo đảm an toàn dịch bệnh và theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Yêu cầu về hệ thống quản lý chất lượng

a. Cơ sở vắt sữa, cơ sở thu gom sữa tươi phải thành lập đội hoặc người chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện chương trình kiểm soát chất lượng bảo đảm an toàn thực phẩm.

b. Tất cả hồ sơ, tài liệu liên quan phải lưu giữ tối thiểu là 3 năm.

c. Cơ sở vắt sữa, cơ sở thu gom sữa tươi phải thực hiện việc tự kiểm tra chương trình kiểm soát chất lượng bảo đảm an toàn thực phẩm hằng năm■

TS. NGUYỄN THỊ HẢI
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

BIỆN PHÁP XỬ LÝ, TIÊU HỦY LỢN MẮC BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐỐT

Thời gian vừa qua, bệnh dịch tả lợn châu Phi (DTLCP) đã xảy ra tại các địa phương thuộc đồng bằng sông Cửu Long - nơi có nhiều kênh rạch, việc tiêu hủy lợn bệnh bằng phương pháp chôn lấp gặp nhiều khó khăn. Ngày 14/6/2019, Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Hướng dẫn số 4178 hướng dẫn biện pháp xử lý, tiêu hủy lợn mắc bệnh DTLCP bằng phương pháp đốt. Bản tin Khuyến nông Việt Nam giới thiệu nội dung cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc tiêu hủy

- Phải làm chết động vật bằng điện hoặc phương pháp khác trước khi thực hiện tiêu hủy.

- Địa điểm tiêu hủy phải theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; ưu tiên chọn địa điểm tiêu hủy tại khu vực chăn nuôi có động vật mắc bệnh hoặc địa điểm thích hợp khác gần khu vực có ổ dịch; không chọn địa điểm giáp với các cơ sở chăn nuôi lợn tập trung, chưa có lợn mắc bệnh DTLCP.

- Phương tiện, dụng cụ sử dụng để vận chuyển lợn, sản phẩm lợn, chất thải đến địa điểm tiêu hủy phải có sàn kín; phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc trước và sau khi vận chuyển đến địa điểm tiêu hủy.

- Người tham gia vào quá trình tiêu hủy lợn phải có bảo hộ cá nhân, thực hiện vệ sinh, sát trùng để tránh làm lây lan mầm bệnh.

2. Vận chuyển động vật, sản phẩm động vật đến địa điểm tiêu hủy

- Trường hợp địa điểm tiêu hủy ở ngoài khu vực ổ dịch, xác động vật, sản phẩm động vật phải được cho vào bao, buộc kín bao và tập trung bao chứa vào một chỗ để phun khử trùng trước khi vận chuyển; trường hợp động vật lớn không vừa bao chứa phải sử dụng tấm ny - lon hoặc vật liệu chống thấm khác để lót bên trong (đáy và xung quanh) thùng chứa của phương tiện vận chuyển.

- Phương tiện vận chuyển xác động vật, sản phẩm động vật phải có sàn kín để không làm rơi vãi các chất thải trên đường đi.

- Phương tiện vận chuyển xác động vật, sản phẩm động vật phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y ngay trước khi vận chuyển và sau khi đưa bao chứa xuống địa điểm tiêu hủy hoặc dời khỏi khu vực tiêu hủy.

3. Xử lý, tiêu hủy lợn bằng phương pháp đốt

a. Phương pháp đốt được thực hiện theo các bước sau:

- Đào hố có kích thước phù hợp với số lượng, trọng lượng xác lợn cần đốt (ví dụ: để tiêu hủy 01 tấn xác lợn, cần đào hố có kích thước sâu x rộng x dài = 1,5 x 1 x 1 (m), tương ứng 1,5m^3).

- Xếp nguyên liệu dùng để đốt (củi, than,...) xuống hố trước; sau đó sử dụng các thanh sắt, bê tông để làm giá đỡ trên miệng hố và cho xác lợn lên trên (gồm cả bao chứa và tấm lót), sau đó tưới dầu diesel lên trên lợn để đốt. Trường hố bị ngập nước, xếp cả nguyên liệu đốt và xác lợn lên trên các thanh sắt, thanh bê tông, sau đó sau đó tưới dầu diesel lên trên lợn để đốt hoặc bố trí máy bơm để hút hết nước, bảo đảm đốt thành công xác lợn.

Ví dụ về cách tính nguyên liệu để tiêu hủy 01 tấn xác lợn như sau: 50 kg củi khô, 200 kg than... 10 lít dầu diesel. Tỷ lệ các nguyên vật liệu để đốt có thể điều chỉnh phù hợp với thực tế.

Người tham gia vào quá trình tiêu hủy lợn phải có bảo hộ cá nhân được vệ sinh, sát trùng đầy đủ

- Sử dụng vật liệu phù hợp để quây quanh hố chôn trước khi đốt xác lợn.

- Xếp xác lợn lên trên vật liệu đốt theo thứ tự lợn to trước, lợn nhỏ sau (lợn phải được gây chết hẳn trước khi đưa đi đốt).

- Tiến hành đốt xác lợn và chôn tro cốt tại hố chôn với yêu cầu khoảng cách từ bề mặt tro cốt đến mặt đất tối thiểu là 0,5m và phun thuốc sát trùng, rắc vôi bột khu vực hố chôn. Quản lý hố chôn như đối với phương pháp chôn lấp. Thời gian đốt cần bảo đảm xác lợn được cháy hết.

b. Ở các địa phương có điều kiện, có thể sử dụng lò đốt chuyên dụng để xử lý đốt xác lợn.

Trên cơ sở hướng dẫn này, các địa phương hướng dẫn cụ thể việc xử lý, tiêu hủy lợn bằng phương pháp đốt cho phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm không làm lây lan dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, thông báo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp xử lý kịp thời■

CỤC THÚ Y

? TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: ***Cá trắm cỏ có biểu hiện kém ăn, da đổi màu tối sẫm, xuất huyết ở vây và trên cơ thể. Xin hỏi chuyên gia đây là bệnh gì và biện pháp chữa trị ra sao?***

Nguyễn Thế Hưng - Kim Động - Hưng Yên

Đáp:

Theo mô tả, cá trắm cỏ có thể đã bị bệnh xuất huyết do vi - rút (nếu cá có khối lượng nhỏ hơn 1 kg). Nguyên nhân gây bệnh là do Reovirus. Khi bị bệnh, cá xuất hiện các dấu hiệu bệnh lý như: Kém ăn hoặc bỏ ăn, da đổi màu tối sẫm, khô ráp; Một số bộ phận xuất huyết như: gốc vây, vây, nắp mang, xoang mang, xoang miệng, ruột... Nhìn bề ngoài cá không biến đổi lớn, cá có mùi tanh đặc trưng. Cá bị bệnh sau 3 - 5 ngày có thể chết, tỷ lệ lên tới 60 - 80%, môi trường ô nhiễm nặng có thể chết 100%. Bệnh gặp chủ yếu trên cá trắm cỏ, có thể lây lan sang cá trắm đen. Bệnh thường xuất hiện vào mùa xuân, đầu hè và mùa thu khi nhiệt độ nước khoảng 24 - 30^{0}C.

Để phòng, trị bệnh cần làm cải thiện môi trường bằng vôi nung (CaO) liều lượng 2 - 4kg/100 m^3 nước. Một tháng bón vôi 2 lần. Vôi hòa ra nước té đều khắp ao. Vào mùa vụ xuất hiện bệnh nên cho cá ăn thuốc KN-04-12. Mỗi đợt cho ăn 3-5 ngày liên tục. Liều lượng: cá giống 4 gam/kg cá/ngày (400 gam/100 kg cá/ngày), cá thịt 2 gam/kg cá/ngày (200 gam thuốc/100 kg cá/ngày). Hoặc có thể dùng Vitamin C cho cá ăn với liều lượng 30 mg/kg cá/ngày (30 gam/100 kg cá/ngày) cho cá ăn liên tục trong mùa phát bệnh. Dùng vắc - xin phòng bệnh cho cá.

Hỏi: ***Cây thanh long mới trồng, lên mầm có nhiều kiến. Xin hỏi cách khắc phục? Thời điểm nào thì phun được thuốc kích thích ra rễ cho cây thanh long và nên phun thuốc gì?***

Tạ Thị Chanh - Lục Ngạn - Bắc Giang

Đáp:

- Cây thanh long mới trồng thường có nhiều kiến vàng nhỏ. Tác hại của kiến là cắn và đục khoét làm hư hại hom giống, mầm và cành non.

Để phòng trừ hoặc xua đuổi kiến tương đối dễ dàng. Có thể dùng thuốc dạng hạt vibasu 10H, Padan 4G trộn đều với cát rồi rải đều quanh gốc hoặc những nơi kiến làm tổ có thể phun lên cây bằng các thuốc trừ sâu thông thường như Vibasu, Hopsan, Vinitox, Visher, Viphenva…

- Thanh long là cây ăn quả rất dễ trồng và nhân giống. Để chuẩn bị giống trước khi trồng thì cần chọn hom dài 30 - 40cm, chọn các cành to, khoẻ, thẳng, không bị sâu bệnh, tuổi cành > 6 tháng. Đáy hom (dài 3 - 5cm) được cắt bỏ phần thịt bên ngoài, để lại phần lõi, nhằm tránh thối hom giống, sau đó nhúng vào dung dịch thuốc trừ nấm như Benlate C, nồng độ 0,1% trong 5 phút. Hom có thể được giâm vào cát trước khi trồng trong vùng che bớt ánh sáng tới khi cành ra rễ và đâm chồi mới hoặc có thể trồng thẳng ngoài đồng. Cho nên sau trồng không phải phun thuốc ra rễ cho thanh long.

Thanh long là cây ăn quả rất dễ trồng và nhân giống

Hỏi: ***Bò đẻ 1 tháng thì bị mất sữa, kém ăn, bụng chướng phình to, đi phân lỏng, nặn không có sữa, gia đình chưa sử dụng thuốc. Xin hỏi chuyên gia các biện pháp khắc phục?***

Lê Xuân Tráng - Nông Cống - Thanh Hóa

Đáp:

- Bò bị chướng hơi, rối loạn tiêu hóa nên mất sữa.

Nguyên nhân gây chướng hơi dạ cỏ: Có rất nhiều nguyên nhân: Do trâu bò ăn nhiều thức ăn dễ lên men, sinh hơi cỏ non, bã mía, thân cây ngô, bã đậu, những thức ăn bị mốc, lúa ngập nước, ăn phải các loại cây có độc như lá sắn, măng tre…; Do chăn thả trâu bò vào lúc thời tiết giá rét, có nhiều sương muối; Do trâu bò bị ốm lâu ngày không đi lại chỉ nằm một chỗ; Do trâu bò bị mắc các bệnh như tắc thực quản, viêm họng, bội thực dạ cỏ khiến trâu bò không ợ hơi được. Nếu do thức ăn cần dừng không cho ăn thức ăn dễ lên men...

Cách khắc phục:

Cho bò uống rượu gừng, tỏi; nếu bệnh nặng thì dùng kháng sinh như Ampicolis hoặc Amoxicyclin, Oxytetracyclin liều theo hướng dẫn sử dụng; kết hợp bổ sung catosal, vitamin. Khi hết liệu trình kháng sinh, bổ sung men tiêu hoá để tăng vi sinh vật có lợi đường ruột của bò, tăng khả năng tiêu hoá thức ăn; tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng và vệ sinh sát trùng chuồng nuôi và khu vực chăn nuôi.

- Bò bị rối loạn tiêu hóa do ký sinh trùng như sán lá gan.

Cách khắc phục: Tẩy sán lá gan cho bò bằng Dertin B hoặc Fascilid, Dowenix, liều theo hướng dẫn sử dụng; kết hợp bổ sung vitamin, catosal. Khi hết liệu trình kháng sinh, bổ sung men tiêu hoá để tăng vi sinh vật có lợi đường ruột của bò, tăng khả năng tiêu hoá thức ăn; tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng và vệ sinh sát trùng chuồng nuôi và khu vực chăn nuôi.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

BẮC GIANG THU GẦN 6.400 TỶ NHỜ VẢI THIỀU GIÁ CAO KỶ LỤC

Sở Công Thương Bắc Giang vừa cho biết, vụ vải năm nay, tổng sản lượng toàn tỉnh đạt hơn 147.000 tấn, với giá trị khoảng 6.365 tỷ đồng, tăng 10% so với năm ngoái.

So với vụ năm ngoái, tổng sản lượng giảm mạnh nhưng doanh thu tăng hơn 600 tỷ đồng bởi giá vải Bắc Giang năm nay cao kỷ lục, bình quân cả vụ gần 32.000 đồng/kg. Năm ngoái, giá trung bình cả vụ chỉ khoảng 16.000 đồng. Tổng sản lượng tiêu thụ trên toàn quốc đạt hơn 67.400 tấn. Mặt hàng năm nay cũng có trên kệ hàng của hầu hết siêu thị lớn như Big C, Lotte, Vinmart, Aeon.... Hơn 79.600 tấn vải được xuất khẩu, chiếm 54,2% sản lượng tiêu thụ. Trong đó, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu nhiều nhất với gần 78.900 tấn. Số vải còn lại được xuất sang Trung Đông, châu Âu, Mỹ, Canada, Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore...

Năm 2019, diện tích trồng vải của tỉnh Bắc Giang khoảng 28.000 ha. Trong đó, diện tích vải thiều sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP gần 14.000 ha, sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP là 218 ha - được Mỹ cấp mã số (IRADS) với 394 hộ.

Theo Vinanet

TRÁI CÂY ĐẶC SẢN MANG VỀ CHO SƠN LA HÀNG CHỤC TRIỆU USD

Trong 6 tháng đầu năm nay, sản xuất nông sản tỉnh Sơn La đã đạt kết quả tích cực, diện tích cây ăn quả tăng nhanh, các hợp tác xã, hộ nông dân thực hiện nghiêm túc quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn, đã lan tỏa thành phong trào, đáp ứng thị trường trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu. Là tỉnh có diện tích cây ăn quả lớn nhất miền Bắc, Sơn La đã xuất khẩu hơn 78 triệu USD trong nửa đầu năm 2019.

Trong những năm qua, tỉnh Sơn La đã hình thành và phát triển được một số vùng cây ăn quả tập trung, thích hợp với tiểu vùng khí hậu, có chất lượng cao tại các huyện Mai Sơn, Sông Mã, Yên Châu, Mường La, Mộc Châu, Vân Hồ, Thuận Châu, Bắc Yên, Phù Yên. Đã có 41 đơn vị thực hiện quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, GAP; 18 sản phẩm nông sản, thực phẩm có thương hiệu như: Chè Shan tuyết Mộc Châu, cà phê Sơn La; xoài Yên Châu, nhãn Sông Mã…

Nửa đầu năm nay, tiêu thụ nông sản tỉnh Sơn La đạt kết quả tốt trên cả 3 thị trường: trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu; Giá trị xuất khẩu hàng hóa của tỉnh đạt 81 triệu USD, trong đó riêng giá trị nông sản xuất khẩu đạt trên 78 triệu USD, đã xuất khẩu được 16 loại sản phẩm sang thị trường 15 nước như: Anh, Mỹ, Bỉ, Campuchia…

Theo Vietnambiz

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

NHẬP KHẨU GẠO NEPAL TĂNG BẤT CHẤP SẢN LƯỢNG LÊN CAO KỈ LỤC

Mặc dù sản lượng lúa, gạo của Nepal đang tăng hàng năm nhưng vẫn không thể thay thế nhập khẩu gạo. Chính phủ Nepal đã tuyên bố sản lượng gạo hiện tại đủ để đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa. Tuy nhiên, nhập khẩu gạo cũng đang đi lên cùng với sự gia tăng sản lượng lúa, theo Himalaya Times.

Trong năm tài chính hiện tại, sản lượng lúa đã đạt mức cao chưa từng thấy trong lịch sử là 5,6 triệu tấn, tăng 9,8% so với 5,1 triệu tấn trong tài khóa trước. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển chăn nuôi (MoALD) Nepal, năng suất lúa đã đạt 3,8 tấn/ha trong tài khóa hiện hành, tăng 8,6% so với tài khóa trước. Vụ thu hoạch lúa bội thu trong tài khóa hiện tại đạt được nhờ kế hoạch hợp tác trong 5 năm (2018 - 2023) giữa Nepal và IRRI, cùng với một số kế hoạch và chương trình khác.

Mặc dù cả năng suất và sản xuất tăng, nhưng nhập khẩu vẫn nhiều thêm. Hầu hết người tiêu dùng Nepal thích gạo tinh luyện hoặc gạo trắng được nhập khẩu từ Ấn Độ.

MoALD đã nhắm mục tiêu tăng trưởng trong sản xuất lúa gạo trong 5 năm tới sẽ đạt 19%. Ngành nông nghiệp đóng góp 27% trong tổng sản phẩm quốc nội của Nepal và gạo chiếm 20% tổng số này.

Theo Vietnambiz

COLOMBIA DỰ KIẾN NÂNG GIÁ CÀ PHÊ LÊN 2 USD/POUND

Hôm 2/7, Colombia, nước trồng cà phê arabica hàng đầu thế giới, dự kiến nâng giá cà phê quốc tế lên 2 USD/pound để các nhà sản xuất có thể đảm bảo thu nhập cho nông dân, ngăn họ từ bỏ ngành này.

Các nhà sản xuất cà phê Colombia đã phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng trong những tháng gần đây do giá cà phê quốc tế xuống thấp, khiến chính phủ phải chi tới 79,5 triệu USD để trợ cấp, xóa nợ cho nông dân và đổi mới các đồn điền cà phê. Colombia là nhà sản xuất cà phê lớn thứ ba thế giới sau Brazil và Việt Nam. Trong một tuyên bố từ Liên đoàn người trồng cà phê Colombia, cho biết giá cà phê quốc tế đã giảm còn 88 US cent/pound trong thời gian gần đây, mức thấp nhất trong hơn một thập kỉ qua. Theo các nhà sản xuất, giá trong nước mà nông dân Colombia nhận được cho mỗi bao 125 kg là 815.000 peso (tương đương 254 USD)

Trong 18 tháng qua, Colombia đã mất 400.000 ha đất trồng cà phê, tương đương 1/3 diện tích đất canh tác do nông dân từ bỏ ngành này vì giá thấp. Colombia hiện có 880.000 ha đồn điền cà phê, trong đó có khoảng 540.000 ha thuộc các hộ gia đình. Liên đoàn người trồng cà phê Colombia dự kiến sẽ thu hoạch được 14 triệu bao 60 kg trong năm nay, tăng nhẹ so với 13,6 triệu bao của năm ngoái.

Theo Vietnambiz